

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ ĐÌNH AN

ĐĂNG KÝ KHAI SINH
THEO PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH HIỆN NAY
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN HỌC MÔN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH

Hà Nội, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

LÊ ĐÌNH AN

**ĐĂNG KÝ KHAI SINH
THEO PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH HIỆN NAY
TỪ THỰC TIỄN HUYỆN HỌC MÔN,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS ĐỖ MINH KHÔI**

Hà Nội, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.

Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Hóc Môn, ngày tháng năm 2018

Tác giả

Lê Đình An

LỜI CẢM ƠN

Với tình cảm chân thành và lòng biết ơn sâu sắc, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới:

Ban giám đốc Học viện Khoa học xã hội cùng các Thầy giáo, Cô giáo, đã trang bị những kiến thức quý báu và giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu tại Học viện Khoa học xã hội.

PGS. TS Đỗ Minh Khôi, người thầy trực tiếp hướng dẫn khoa học, tận tình chỉ bảo, giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu để hoàn thành Luận văn này.

Tôi xin chân thành cảm ơn !

Hóc Môn, ngày tháng năm 2018

Tác giả

Lê Đình An

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò ý nghĩa của khai sinh, đăng ký khai sinh.....	6
1.2. Thẩm quyền đăng ký khai sinh.....	13
1.3. Nội dung đăng ký khai sinh	14
1.4. Trách nhiệm đăng ký khai sinh.....	20
1.5. Thủ tục đăng ký khai sinh.....	21
1.6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký khai sinh	27
1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc đăng ký khai sinh	29
Chương 2: THỰC TRẠNG ĐĂNG KÝ KHAI SINH TẠI HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	33
2.1. Khái quát chung về huyện Hóc Môn	33
2.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn	35
2.3. Thực trạng đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn	41
2.4. Những hạn chế chung và nguyên nhân.....	54
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	59
3.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn địa bàn huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh	59
3.2. Giải pháp thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh ở huyện Hóc Môn.....	64
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1: Số liệu rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch xã - thị trấn tính đến 31/12/2017	39
Bảng 2.2: Kết quả đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại 24 quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh	42
Bảng 2.3: Kết quả đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã tại 24 quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	44
Bảng 2.4: Kết quả xác định họ cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn.....	46
Bảng 2.5: Kết quả xác định dân tộc cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn	47
Bảng 2.6: Kết quả xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em bị bỏ rơi khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn.....	47
Bảng 2.7: Kết quả xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ đẻ khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn	48
Bảng 2.8: Trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn.	49

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đăng ký khai sinh và quản lý đăng ký khai sinh là nhiệm vụ quan trọng luôn được các quốc gia quan tâm thực hiện. Hoạt động này còn là cơ sở để Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền con người, quyền, nghĩa vụ công dân, đồng thời có biện pháp quản lý dân cư một cách khoa học, phục vụ thiết thực cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước. Tại hầu hết các nước, các sự kiện hộ tịch của con người từ khi sinh ra đến khi chết như khai sinh, kết hôn, ly hôn, nuôi con nuôi, giám hộ, thay đổi, cải chính hộ tịch, khai tử... đều được đăng ký và được quản lý chặt chẽ.

Ở Việt Nam, đăng ký khai sinh và quản lý đăng ký khai sinh được xác định là khâu trung tâm của toàn bộ hoạt động quản lý dân cư. Với những giá trị tiềm tàng như vậy, công tác quản lý hộ tịch nói chung và quản lý đăng ký khai sinh đã khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của nó trong tiến trình phát triển của xã hội. Nhận thức được vấn đề này, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật về quản lý hộ tịch bước đầu tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho hoạt động này. Đặc biệt ngày 20 tháng 11 năm 2014, tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua Luật Hộ tịch. Luật Hộ tịch có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đánh dấu một bước phát triển mới trong lịch sử pháp luật quản lý nhà nước về hộ tịch, về đăng ký khai sinh ở nước ta. Thực tiễn cho thấy, thời gian qua công tác quản lý hộ tịch và đăng ký khai sinh ở nước ta đã có những bước phát triển ổn định, đạt được những kết quả quan trọng. Công tác xây dựng thể chế được tăng cường; việc phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và đăng ký khai sinh ngày càng được coi trọng. Trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh cũng từng bước được đơn giản hóa, ngày càng tạo thuận lợi cho người dân... Với những kết quả đã đạt được, công tác quản lý và đăng ký khai sinh ngày càng khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với quản lý nhà nước và xã hội, góp phần bảo đảm ngày một tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được công tác quản lý và đăng ký khai sinh còn có nhiều hạn chế như: Thủ tục đăng ký khai sinh chưa khoa học, chưa phù hợp thực tế, trình độ, năng lực của đội ngũ công chức làm công tác quản lý và đăng ký khai sinh; việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đăng ký khai sinh chưa được quan tâm đúng mức... Những hạn chế này đã làm giảm đi hiệu lực, hiệu quả công tác đăng ký khai sinh. Thực trạng này do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ chính các quy định của pháp luật về đăng ký khai sinh.

Là một huyện ngoại thành của Thành phố Hồ Chí Minh, trong những năm qua, huyện Hóc Môn đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quản lý và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện. Với sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền công tác đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từng bước được thực hiện nghiêm túc đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, thực trạng đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy những bất cập của công tác quản lý và đăng ký khai sinh. Với thực trạng đó và những đòi hỏi của tình hình mới, để luận giải những vấn đề lý luận và thực tiễn về đăng ký khai sinh, tôi đã lựa chọn đề tài ***“Đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sĩ ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Đã có nhiều công trình nghiên cứu, các luận án, luận văn, bài báo tạp chí đề cập đến hộ tịch và các chính sách thực hiện hộ tịch, trong thời gian qua:

Bộ Tư pháp (2016) *“Tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện”*, Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính *“Quản lý nhà nước về hộ tịch tại Thành phố Hà Nội”*, tác giả Nguyễn Hoài Nam, Học viện Khoa học xã hội, 2011;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “*Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*”, tác giả Nguyễn Thị Kim Anh, Học viện Khoa học xã hội, 2012;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “*Quản lý nhà nước về nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*”, tác giả Phạm Thị Diễm Trang, Học viện Khoa học xã hội, 2014;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “*Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh An Giang*”, tác giả Nguyễn Hoàng Thiện, Học viện Khoa học xã hội, 2015;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “*Pháp luật quản lý về hộ tịch - từ thực tiễn quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội*”, tác giả Nguyễn Thị Hạnh, Học viện Hành chính Quốc gia, 2016;

Luận văn thạc sĩ Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “*Quản lý nhà nước về hộ tịch cấp xã trong lĩnh vực hôn nhân từ thực tiễn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*”, tác giả Huỳnh Thị Hồng Châu, Học viện Khoa học xã hội, 2016.

Các công trình khoa học nói trên đã đề cập từng khía cạnh của quản lý về hộ tịch. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu trực tiếp về đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề lý luận, thực tiễn thực hiện đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài về không gian được giới hạn trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; về thời gian được giới hạn trong năm 2016 và năm 2017.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của đề tài là làm rõ lý luận quản lý đăng ký khai sinh, thực tiễn đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện

Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian qua, những kết quả đạt được và hạn chế cũng như nguyên nhân của chúng.

Trên cơ sở xây dựng lý luận và phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký khai sinh luận văn hướng tới việc đề xuất những giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh nói riêng, những giải pháp bảo đảm đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn có những nhiệm vụ cụ thể sau:

Thứ nhất, xây dựng cơ sở lý luận của pháp luật về đăng ký khai sinh thông qua việc xác định các khái niệm có liên quan như: khái niệm về hộ tịch, đăng ký hộ tịch, nguyên tắc đăng ký hộ tịch; khái niệm, đặc điểm của khai sinh và đăng ký khai sinh; xác định đặc điểm, nội dung, vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến việc đăng ký khai sinh.

Thứ hai, phân tích thực trạng pháp luật quản lý về đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra những đánh giá về kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong đăng ký khai sinh theo pháp luật về hộ tịch hiện nay từ thực tiễn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ ba, đề xuất phương hướng, hệ thống giải pháp đủ cơ sở khoa học để bảo đảm thực hiện pháp luật đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu đề tài là những luận điểm trong học thuyết Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quản lý hành chính nhà nước; các quan

điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về quản lý hộ tịch, xây dựng pháp luật quản lý hộ tịch.

Các phương pháp được tác giả sử dụng trong luận văn gồm: Phương pháp phân tích, tổng hợp, diễn dịch, quy nạp, phương pháp hệ thống, phương pháp so sánh.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, pháp luật về đăng ký khai sinh; đánh giá thực trạng pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua. Từ đó đề xuất những giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm cơ sở để các cấp chính quyền ở huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu, vận dụng vào thực tế quản lý hộ tịch, đăng ký khai sinh. Luận văn cũng có thể là tài liệu nghiên cứu về quản lý đăng ký khai sinh cho các học viên, sinh viên của Học viện Khoa học xã hội.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp lý về đăng ký khai sinh

Chương 2. Thực trạng đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh

Chương 3. Quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn địa bàn huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LÝ VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò ý nghĩa của khai sinh, đăng ký khai sinh

1.1.1. Tổng quan về hộ tịch và đăng ký hộ tịch

1.1.1.1. Khái niệm về hộ tịch, đăng ký hộ tịch

Hộ tịch là những sự kiện xác định tình trạng nhân thân của cá nhân từ khi sinh ra đến lúc chết. Các sự kiện này bao gồm: khai sinh; kết hôn, công nhận việc kết hôn; giám hộ, thay đổi, chấm dứt giám hộ; cha, mẹ nhận con hoặc con nhận cha, mẹ; thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc; nuôi con nuôi, chấm dứt việc nuôi con nuôi; xác định cha, mẹ, con theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; xác định lại giới tính; ly hôn, hủy việc kết hôn trái pháp luật; tuyên bố, hủy tuyên bố mất tích hoặc chết hoặc mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự; chết và các việc hộ tịch khác theo quy định của pháp luật [3].

Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận, ghi vào sổ đăng ký các thông tin hộ tịch cần thiết của cá nhân, cấp giấy tờ hộ tịch tương ứng, tạo cơ sở pháp lý để xác lập mối quan hệ giữa cá nhân với Nhà nước. Khoản 2 Điều 2 Luật Hộ tịch quy định: “*Đăng ký hộ tịch là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư*” [16].

Đăng ký và quản lý hộ tịch là nhiệm vụ quan trọng luôn được các quốc gia quan tâm thực hiện. Thông qua hoạt động này, Nhà nước xác lập cơ sở pháp lý để công nhận và bảo hộ các quyền con người cơ bản, quyền và nghĩa vụ của công dân, đồng thời có biện pháp quản lý dân cư một cách khoa học, phục vụ thiết thực cho việc xây dựng, hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước.

Từ khi giành được chính quyền tháng 8 năm 1945 đến nay, Nhà nước ta đều quan tâm ban hành văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động đăng ký, quản

lý hộ tịch, các văn bản này thường xuyên được điều chỉnh, sửa đổi, bảo đảm phù hợp với thực tế.

Đến kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014. Đây là lần đầu tiên có văn bản ở tầm luật quy định riêng về lĩnh vực đăng ký, quản lý hộ tịch sau hơn 60 năm thực hiện bằng các văn bản dưới luật. Luật có nhiều quy định mới, mang tính đột phá, cách mạng về: thẩm quyền đăng ký hộ tịch, phương thức đăng ký, quản lý hộ tịch, cải cách mạnh thủ tục hành chính.

Để quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; liên Bộ Ngoại giao – Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT/BNG-BTP ngày 30 tháng 6 tháng 2016 hướng dẫn việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, bảo đảm hệ thống văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động đăng ký, quản lý hộ tịch được đồng bộ, thống nhất.

1.1.1.2. Nguyên tắc đăng ký hộ tịch

Mọi sự kiện hộ tịch của mọi cá nhân đều có giá trị, ý nghĩa, cần được đăng ký đầy đủ, kịp thời, chính xác thì mới bảo đảm cơ sở pháp lý vững cho cá nhân thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của mình. Do đó, Luật Hộ tịch đã xác định các nguyên tắc đăng ký hộ tịch (*Điều 5 Luật Hộ tịch*) như sau:

- Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân.
- Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác.
- Mỗi sự kiện hộ tịch chỉ được đăng ký tại một cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền theo quy định của luật.

- Cá nhân có thể được đăng ký hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Trường hợp cá nhân không đăng ký hộ tịch tại nơi thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Cơ quan đại diện nơi đã đăng ký hộ tịch cho cá nhân có trách nhiệm thông báo việc đăng ký hộ tịch đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân đó thường trú để thực hiện ghi chú tiếp vào sổ hộ tịch tương ứng.

- Mọi sự kiện hộ tịch sau khi đăng ký vào Sổ hộ tịch phải được cập nhật kịp thời, đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử. Nội dung khai sinh, kết hôn, ly hôn, khai tử, thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại giới tính, xác định lại dân tộc của cá nhân trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch là thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Thủ tục đăng ký hộ tịch phải bảo đảm công khai, minh bạch. Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do [16].

1.1.1.3. Giá trị pháp lý của giấy tờ hộ tịch

Giấy tờ hộ tịch bao gồm: Giấy khai sinh, Giấy chứng nhận kết hôn, các Trích lục hộ tịch (*bản chính, bản sao*) tương ứng với loại việc hộ tịch của cá nhân đã được đăng ký, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Giấy tờ hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền cấp cho cá nhân, có giá trị chứng minh thông tin hộ tịch của cá nhân đó, là cơ sở để cá nhân thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác có liên quan. Do đó, mọi hành vi làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch đều bị nghiêm cấm [3].

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm của khai sinh và đăng ký khai sinh

1.1.2.1. Khái niệm, đặc điểm của giấy khai sinh

Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch được cấp đầu tiên, ghi nhận sự ra đời, tồn tại của cá nhân, xác định các thông tin nhân thân cơ bản, quan trọng của cá nhân, trong đó có thông tin về quốc tịch, là cơ sở để xác lập các quyền, nghĩa vụ khác của công dân. Do ý nghĩa quan trọng của thông tin khai sinh, nên Khoản 3, Điều 14 Luật Hộ tịch đã xác định: Nội dung đăng ký khai sinh là thông tin hộ tịch cơ bản của cá

nhân, được ghi vào Sổ hộ tịch, Giấy khai sinh, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Hồ sơ, giấy tờ của cá nhân liên quan đến thông tin khai sinh phải phù hợp với nội dung đăng ký khai sinh của người đó [16].

Điều 6, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP tiếp tục khẳng định: Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân; mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh; giới tính; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha, mẹ, con phải phù hợp với Giấy khai sinh của người đó. Trường hợp nội dung trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác với nội dung trong Giấy khai sinh của người đó thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý hồ sơ hoặc cấp giấy tờ có trách nhiệm điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ theo đúng nội dung trong Giấy khai sinh [8].

Phân biệt giấy khai sinh với một số giấy tờ cá nhân khác:

Giấy chứng sinh là văn bản xác nhận việc sinh con do Bệnh viện, Nhà hộ sinh, Trạm y tế cấp xã, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hợp pháp khác được phép cung cấp dịch vụ đỡ đẻ. Trên nội dung của Giấy chứng sinh có ghi những thông tin cơ bản của người mẹ như: họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, dân tộc; thông tin về việc sinh như: thời gian, ngày tháng năm sinh con, nơi sinh, giới tính của bé... [6]

Giấy chứng nhận kết hôn là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho hai bên nam (*từ đủ 20 tuổi trở lên*) và nữ (*từ đủ 18 tuổi trở lên*) khi đăng ký kết hôn; theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 của Luật Hộ tịch nội dung Giấy chứng nhận kết hôn bao gồm các thông tin: họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; thông tin về giấy tờ chứng minh nhân thân của hai bên nam, nữ; ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn, chữ ký hoặc điểm chỉ của hai bên nam, nữ và xác nhận của cơ quan đăng ký hộ tịch [16].

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là một trong những giấy tờ bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký kết hôn của công dân Việt Nam, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền cấp để sử dụng vào mục đích kết hôn hoặc mục đích khác [16].

Trích lục hộ tịch là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp nhằm chứng minh sự kiện hộ tịch của cá nhân đã đăng ký tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Bản chính trích lục hộ tịch được cấp ngay sau khi sự kiện hộ tịch được đăng ký. Bản sao trích lục hộ tịch bao gồm bản sao trích lục hộ tịch được cấp từ Cơ sở dữ liệu hộ tịch và bản sao trích lục hộ tịch được chứng thực từ bản chính [16].

1.1.2.2. Khái niệm, đặc điểm của đăng ký khai sinh

- *Khái niệm của đăng ký khai sinh:*

Đăng ký khai sinh là việc cơ quan nhà nước công nhận, xác nhận sự kiện một người được sinh ra và ghi vào sổ các thông tin hộ tịch cơ bản của người đó gồm: họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; số định danh cá nhân và của cha mẹ gồm: họ, chữ đệm, tên, nơi cư trú, số định danh cá nhân (nếu có) của cha, mẹ...[3]

- *Đặc điểm của đăng ký khai sinh:*

Về chủ thể đăng ký khai sinh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn; bảo đảm mọi trẻ em đều được đăng ký khai sinh; nếu trên địa bàn có trường hợp thuộc diện đăng ký khai sinh lưu động thì phải bố trí điều kiện, cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện việc đăng ký lưu động, bảo đảm quyền lợi của trẻ em.

Về đối tượng đăng ký khai sinh, đăng ký khai sinh là hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, tạo cơ sở pháp lý để xác định tư cách công dân, qua đó chính thức thiết lập mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước, đồng thời là cơ sở pháp lý để cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đăng ký khai sinh, đăng ký khai sinh bao gồm những thông tin của người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch. Thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú. Số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh.

Về yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký khai sinh được chính xác, kịp thời, đầy đủ, góp phần bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Bởi vì, thực tế cho thấy giấy khai sinh nếu trong quá trình thực hiện có sai sót mà không được phát hiện kịp thời sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như khắc phục, sửa chữa sai sót và đặc biệt sẽ gây ra không ít những phiền hà cho công dân trong việc thống nhất giấy tờ quan trọng khác sau này: hồ sơ đi học, xin việc làm, xuất cảnh, thậm chí, còn liên quan đến việc xác định độ tuổi để đánh giá năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm pháp lý của từng cá nhân con người...

1.1.2.3. Vai trò ý nghĩa của khai sinh, đăng ký khai sinh

Khai sinh là sự kiện hộ tịch xác định sự ra đời tồn tại của mỗi cá nhân. Việc đăng ký khai sinh, cấp Giấy khai sinh có ý nghĩa pháp lý đầu tiên chứng minh nhân thân của công dân cá nhân từ khi sinh ra cho đến chết, là cơ sở pháp lý chứng minh quyền, nghĩa vụ của cá nhân đó trong các mối quan hệ xã hội: quan hệ cha mẹ và con, các quyền về thừa kế, quyền đi học, bầu cử, ứng cử... nó có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi cá nhân.

- Đối với việc quản lý nhà nước:

Nhà nước đăng ký khai sinh cho công dân là để Nhà nước quản lý về mặt pháp lý từng người dân, qua đó quản lý toàn bộ dân cư trong cả nước, nắm bắt được biến động tự nhiên về dân cư. Nhà nước quản lý con người, thống kê được dân số, tình hình tăng dân số giúp Nhà nước có cơ sở hoạch định chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Qua đó, Nhà nước có cơ sở khoa học để hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác công tác đăng ký khai sinh một yêu cầu không thể thiếu trong quản lý nhà nước về hộ tịch, là ghi nhận về mặt pháp lý sự tồn tại của một cá nhân, là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Nhà nước và công dân, từ đó phát sinh trách nhiệm của Nhà nước trong việc chăm lo đời sống người dân, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Hơn thế nữa, đối với Nhà nước thông qua việc đăng ký này đảm bảo được quyền của công dân, quyền được khai sinh mà pháp luật đã quy định. Đặc biệt đối với trẻ em đối tượng Nhà nước quan tâm bảo vệ, thì đăng ký khai sinh

cho trẻ em là nghĩa vụ phải làm của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em, đối tượng được quan tâm hàng đầu trong mọi xã hội.

Khi đăng ký khai sinh Nhà nước cấp cho người dân chứng thư pháp lý là Giấy khai sinh. Giấy khai sinh góp phần hỗ trợ hoạt động các cơ quan nhà nước trong việc xác định nhân thân của một người như độ tuổi, giới tính, cha mẹ..., phục vụ cho các quan hệ khác như: dùng để xác định cha và mẹ đẻ của một cá nhân, giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết việc phân chia di sản thừa kế trong trường hợp người chết không để lại di chúc, phân chia tài sản theo pháp luật, hay Giấy khai sinh dùng để hỗ trợ cho cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định tuổi của một người để áp dụng chính sách trong tố tụng cho phù hợp.

- *Đối với công dân:*

Đăng ký khai sinh là quyền của mỗi người được pháp luật quốc tế ghi nhận, đồng thời cũng được ghi nhận trong pháp luật của quốc gia. Đăng ký khai sinh có vai trò, ý nghĩa là sự ghi nhận về mặt pháp lý tình trạng nhân thân của một người được sinh ra, thông qua đăng ký khai sinh, cá nhân được cấp Giấy khai sinh, là cơ sở xác định nguồn gốc các mối quan hệ nhân thân, quan hệ gia đình; là một trong những chứng cứ pháp lý tạo ra sự ràng buộc về mặt pháp lý giữa Nhà nước và công dân và có giá trị chứng minh đối với các mối quan hệ khác trong xã hội ví dụ như truy nhận cha, mẹ con, thừa kế di sản, học tập. Đăng ký khai sinh cho một cá nhân là cơ sở đầu tiên để cá nhân đó trở thành công dân một quốc gia, làm phát sinh quyền của mình, công dân thực hiện được các quyền của mình được Nhà nước ghi nhận và là cơ sở để được Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân. Nếu cá nhân không đăng ký khai sinh, cá nhân sẽ không hưởng được các quyền dành cho công dân mà Nhà nước quy định, cũng như công dân sẽ không được bảo vệ khi quyền và lợi ích bị xâm hại. Nếu không có khai sinh thì không có cơ sở chắc chắn để phân biệt cá nhân này với cá nhân khác thông qua các yếu tố cơ bản như: họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, dân tộc, nơi sinh, thông tin về cha mẹ...

Đăng ký khai sinh có vai trò và ý nghĩa quan trọng đối với người dân, tuy nhiên nếu không thực hiện đúng quy định pháp luật thì sẽ gây thiệt hại đến quyền và

lợi ích hợp pháp của công dân. Đăng ký khai sinh đòi hỏi phải được đăng ký chính xác tuyệt đối các thông tin liên quan đến nhân thân của một cá nhân. Nếu trong việc đăng ký khai sinh có sự không chính xác trong việc ghi nhận các thông tin đã đăng ký thì hệ lụy này do người dân gánh chịu.

1.2. Thẩm quyền đăng ký khai sinh

1.2.1. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Xác định thẩm quyền theo đối tượng đăng ký khai sinh:

Theo quy định của Luật Hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trong nước, đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại khu vực biên giới, còn người kia là công dân của nước láng giềng thường trú tại khu vực biên giới với Việt Nam [3].

- Xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh theo nơi cư trú của cha, mẹ trẻ em:

Theo quy định của Luật Hộ tịch, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ đều có thẩm quyền như nhau trong việc đăng ký khai sinh cho trẻ em do cha mẹ lựa chọn.

Khái niệm “nơi cư trú” được hiểu theo Luật Cư trú, bao gồm: nơi đăng ký thường trú, nơi đăng ký tạm trú hoặc nơi đang sinh sống. Người yêu cầu đăng ký khai sinh có quyền lựa chọn bất kỳ cơ quan nào trong số các cơ quan nêu trên để đăng ký khai sinh cho trẻ em. Đó là: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người cha, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú của người cha, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của người mẹ, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tạm trú của người mẹ. Nếu cả cha, mẹ đều không có nơi thường trú, tạm trú, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sinh sống thực tế thực hiện đăng ký khai sinh. Quy định này đã thể hiện cải cách mạnh mẽ nhằm tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong việc đăng ký khai sinh cho trẻ em [3].

1.2.2. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Xác định thẩm quyền theo đối tượng đăng ký khai sinh

Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền đăng ký khai sinh (*Điều 35 Luật Hộ tịch*) cho các trường hợp sau :

Trẻ em sinh ra tại Việt Nam thuộc một trong các trường hợp: có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch; có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, còn người kia là công dân Việt Nam đang định cư ở nước ngoài; có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài; có cha và mẹ là người nước ngoài hoặc người không quốc tịch.

Trẻ em sinh ra ở nước ngoài, chưa được đăng ký khai sinh, về cư trú tại Việt Nam thuộc một trong các trường hợp: có cha và mẹ là công dân Việt Nam; có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam.

- *Xác định thẩm quyền đăng ký khai sinh theo nơi cư trú*

Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cư trú của người cha hoặc nơi cư trú của người mẹ đều có thẩm quyền đăng ký khai sinh cho trẻ em thuộc trường hợp nêu trên.

1.3. Nội dung đăng ký khai sinh

Trên phương diện quốc tế, trước hết phải kể đến Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên, tại Điều 7 của Công ước quy định: Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi sinh ra và có quyền có họ tên, quyền có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền biết cha mẹ mình và được cha mẹ mình chăm sóc sau khi ra đời. Đó là một trong những quyền nhân thân, dân sự cơ bản nhất của trẻ em đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận và bảo đảm được các quốc gia thành viên thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau [3].

Trên phương diện pháp luật trong nước, quyền được khai sinh được quy định tại Điều 30 của Bộ Luật dân sự: *“ cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh ”* [17]. Điều 13 của Luật Trẻ em cũng quy định: *“ Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật ”* [15]. Đồng thời, tại Điều 6 Luật Hộ tịch tiếp tục khẳng định: *“ Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch ”* [16].

Người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh phải cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các nội dung khai sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch, Điều 14 Luật Hộ tịch quy định nội dung đăng ký khai sinh gồm: Thông tin của người được đăng ký khai sinh gồm họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch; thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh: Họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú; số định danh cá nhân của người được đăng ký khai sinh [16].

1.3.1. Xác định họ theo cha hay theo mẹ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định khi đăng ký khai sinh, việc xác định họ, chữ đệm, tên của trẻ em được thực hiện theo văn bản thoả thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh. Nếu cha mẹ không có văn bản thoả thuận hoặc không thoả thuận được, thì xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ [8].

1.3.2. Xác định dân tộc theo cha hay theo mẹ

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP quy định khi đăng ký khai sinh, dân tộc của trẻ em được xác định theo văn bản thoả thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong Tờ khai đăng ký khai sinh. Theo đó, khi sinh ra dân tộc của con được xác định dân tộc theo dân tộc của cha đẻ, mẹ đẻ. Nếu cha đẻ, mẹ đẻ thuộc hai dân tộc khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo dân tộc của cha đẻ hoặc mẹ đẻ theo thoả thuận của cha đẻ, mẹ đẻ; nếu cha mẹ không có thoả thuận thì dân tộc của con được xác định theo tập quán; trường hợp tập quán khác nhau thì dân tộc của con được xác định theo tập quán của dân tộc ít người hơn. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì dân tộc của con được xác định theo dân tộc của mẹ đẻ [8].

1.3.3. Đặt tên cho con

Trước hết cần khẳng định, cả Bộ Luật dân sự và Luật Hộ tịch hiện nay đều không quy định cụ thể, chi tiết về việc đặt tên cho trẻ em như thế nào. Theo quy định của Bộ Luật dân sự, cá nhân có quyền có họ tên; đối với công dân Việt Nam

thì tên phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng ký tự mà không phải là chữ; việc đặt tên bị hạn chế trong trường hợp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự Việt Nam. Đây là quy định có tính chất nguyên tắc.

Thứ nhất, cần hiểu rõ quyền có họ tên là quyền của trẻ em hay là quyền của cha mẹ. Đây là vấn đề đã và đang gây tranh cãi, bị nhiều người cố tình hiểu theo cách suy nghĩ của mình. Cần khẳng định, quyền có họ tên là quyền nhân thân, dân sự cơ bản của mỗi cá nhân, của trẻ em. Khi sinh ra, trẻ em do còn non nớt về thể chất, tinh thần và trí tuệ, nên cha mẹ, người thân thích có trách nhiệm đi khai sinh và xác định họ tên cho trẻ. Do đó, việc đặt tên cho con như thế nào, không phải là xuất phát từ mong muốn, ý thích, nguyện vọng của riêng cha mẹ, mà phải xuất phát từ lợi ích tốt đẹp nhất của trẻ em sau này. Vì vậy ở đây không nên coi đó là quyền của cha mẹ, thích tên gì đặt tên ấy hoặc chỉ để thoả mãn mong muốn, nguyện vọng của riêng cá nhân cha mẹ mà không tính đến hoặc bỏ qua lợi ích tốt đẹp nhất của đứa trẻ sau này.

Thứ hai, đối với trẻ em có quốc tịch Việt Nam, tên của trẻ em bắt buộc phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng của các dân tộc sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam (*Điều 26, Bộ Luật dân*). Đây là quy định có tính nguyên tắc, nhằm giữ gìn, bảo tồn văn hoá, truyền thống tốt đẹp từ ngàn đời xưa để lại. Do đó, đối với trẻ em Việt Nam thì không thể có những cái tên lai căng nước ngoài (*như Rô-nan-đô, Ku-san-hy, Fran-sis...*), mặc dù đó là ý thích, nguyện vọng, mong muốn của một số người cho rằng để sau này con cái họ “dễ hoà nhập”, được “đổi đời”, sung sướng ở nước ngoài. Bởi, cuộc đời của mỗi con người đâu có thể tốt đẹp chỉ bằng một cái tên. Nếu tất cả mọi người đều có suy nghĩ và đặt tên con như vậy, thì chắc chắn sẽ không còn gì là bản sắc, truyền thống văn hoá dân tộc nữa. Đây là vấn đề mà bất cứ quốc gia nào cũng có ý thức giữ gìn.

Thứ ba, xuất phát từ yêu cầu bảo vệ, bảo đảm quyền có họ tên của trẻ em, công chức tư pháp – hộ tịch cần tuyên truyền, giải thích để cha mẹ nhận thức được rằng, việc đặt tên, xác định họ cho con chính là nhằm bảo vệ, bảo đảm cho trẻ em

thực thi quyền nhân thân, quyền dân sự của mình. Đó là yêu cầu mang tính quốc gia và quốc tế, nên cha mẹ phải suy nghĩ kỹ càng trước khi đặt tên cho con, không nên chỉ xuất phát từ ý chí, mong muốn của riêng cá nhân cha mẹ. Việc đặt tên cho con khi đăng ký khai sinh chính là giúp cho trẻ em xác lập, thực hiện quyền, lợi ích, bổn phận của mình trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (*theo quy định Khoản 4, Điều 3, Bộ Luật dân sự*).

Thứ tư, mặc dù hiện nay pháp luật không quy định đối với dân tộc nào thì phải đặt họ tên như thế nào, nhưng xuất phát từ yêu cầu tôn trọng, bảo vệ lợi ích, truyền thống, văn hoá dân tộc, công chức tư pháp – hộ tịch tăng cường tuyên truyền, giải thích, vận động để người dân hiểu rằng, việc xác định họ, đặt tên cho trẻ em cũng cần tính đến yếu tố bảo đảm phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống tốt đẹp của mỗi dân tộc và phản ánh được nét văn hoá đặc trưng của dân tộc kể cả yếu tố tôn giáo, tín ngưỡng của người dân ở các vùng miền [8].

1.3.4. Xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em chưa xác định được cha mẹ đẻ

Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 của Bộ Luật dân sự, trong khi đăng ký khai sinh cho trẻ em thuộc diện bị bỏ rơi hoặc chưa xác định được cha mẹ đẻ, cần lưu ý một số vấn đề sau:

Thứ nhất, nếu trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha mẹ đẻ được nhận làm con nuôi, thì họ của trẻ em được xác định theo họ của cha nuôi hoặc họ của mẹ nuôi theo thoả thuận bằng văn bản của cha mẹ nuôi; nếu chỉ có một người nhận nuôi thì họ của trẻ em được xác định theo họ của người đó. Tên, chữ đệm của trẻ em là do cha, mẹ nuôi đặt.

Thứ hai, nếu trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha mẹ đẻ và chưa được nhận làm con nuôi, thì họ của trẻ em được xác định theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó hoặc của người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em.

Thứ ba, nếu không cơ sở để xác định ngày tháng năm sinh và nơi sinh của trẻ em bị bỏ rơi thì lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh của trẻ;

căn cứ thể trạng của trẻ để xác định năm sinh; nơi sinh là nơi phát hiện trẻ bị bỏ rơi; quê quán được xác định theo nơi sinh; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam.

Thứ tư, nếu trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha mẹ đẻ và được nhận làm con nuôi, thì được xác định dân tộc theo dân tộc của cha nuôi hoặc mẹ nuôi theo thoả thuận bằng văn bản của cha mẹ nuôi. Nếu chỉ có một người nhận nuôi thì dân tộc của trẻ em được xác định theo dân tộc của người đó.

Trường hợp trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định cha mẹ đẻ và chưa được nhận làm con nuôi thì được xác định dân tộc theo đề nghị của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng trẻ em đó hoặc của người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em vào thời điểm đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Thứ năm, ghi “quê quán” cho trẻ em chưa xác định được cha mẹ đẻ như thế nào, là vấn đề cũng cần lưu ý. Mặc dù Thông tư 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp có quy định việc ghi quê quán cho trẻ chưa xác định được cha mẹ, nhưng thực tiễn thi hành cũng gặp khó khăn. Vì việc xác định quê quán cho trẻ em bị bỏ rơi là theo “nơi sinh” (*nghĩa là nơi phát hiện trẻ em bị bỏ rơi*), nhưng điều đó khó áp dụng đối với trẻ em chưa xác định được cha mẹ [3].

1.3.5. Đăng ký lại khai sinh trong trường hợp đương sự không xuất trình được giấy tờ chứng minh quan hệ cha mẹ con; bổ sung ngày tháng sinh trong trường hợp đăng ký lại khai sinh mà giấy tờ xuất trình chỉ có năm sinh

Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 9 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp, trường hợp cá nhân không có giấy tờ chứng minh quan hệ cha mẹ con thì cơ quan đăng ký hộ tịch tiến hành kiểm tra, xác minh quan hệ cha mẹ con. Nếu vẫn không xác định được thì phân ghi về cha, mẹ đẻ trống.

Trường hợp đăng ký lại khai sinh cho người có hồ sơ, giấy tờ cá nhân nhưng giấy tờ không thể hiện ngày, tháng sinh thì xác định ngày, tháng sinh theo cam đoan của người yêu cầu đăng ký khai sinh; nếu người đó không biết thông tin thì xác định ngày, tháng sinh là ngày 01 tháng 01 [3].

1.3.6. Bổ sung ngày, tháng sinh trong Giấy khai sinh

Việc bổ sung ngày, tháng sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Hộ tịch. Nếu người yêu cầu có hồ sơ mà ngày, tháng sinh trong các giấy tờ không thống nhất, thì công chức tư pháp – hộ tịch vận dụng quy định tại Khoản 5, Điều 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ để xác định ngày, tháng sinh. Nếu hồ sơ, giấy tờ không ghi ngày, tháng sinh chỉ có năm sinh thì xác định ngày, tháng sinh theo cam đoan của người yêu cầu; nếu người đó không biết thông tin thì xác định ngày, tháng sinh là ngày 01 tháng 01 [3].

1.3.7. Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân

Trường hợp công dân Việt Nam chưa bao giờ đăng ký khai sinh, nhưng có hồ sơ, giấy tờ cá nhân, thì có thể yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú đăng ký khai sinh trên cơ sở hồ sơ, giấy tờ cá nhân đó. Người yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân để làm cơ sở đăng ký khai sinh.

Hồ sơ, giấy tờ được coi là cơ sở để yêu cầu đăng ký khai sinh phải là: giấy tờ tùy thân như: hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp còn giá trị sử dụng, Sổ hộ khẩu, Sổ tạm trú hoặc giấy tờ khác do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.

Hồ sơ đăng ký khai sinh gồm: Tờ khai đăng ký khai sinh; văn bản cam đoan về việc chưa bao giờ đăng ký khai sinh; bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ cá nhân là cơ sở để đăng ký khai sinh, trong đó thể hiện rõ thông tin về họ tên, giới tính, ngày tháng năm sinh. Nếu là cán bộ, công chức, viên chức hoặc đang công tác trong lực lượng vũ trang thì ngoài giấy tờ nói trên, người yêu cầu phải có văn bản của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi đang công tác xác nhận nội dung yêu cầu khai sinh là phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.

Thủ tục đăng ký khai sinh được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp. Ngoài ra, nếu người yêu cầu đăng ký khai sinh là cán bộ, đảng viên thì kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2016 phải chấp hành nghiêm Thông báo số 13/TB-TW ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Ban Bí thư,

không được lợi dụng việc đăng ký khai sinh để nhằm mục đích điều chỉnh tuổi hoặc lợi dụng việc đăng ký khai sinh trên cơ sở hồ sơ, giấy tờ cá nhân nhằm kéo dài thời gian công tác hay hưởng chế độ, chính sách của Nhà nước [3].

1.4. Trách nhiệm đăng ký khai sinh

Khi sinh ra, trẻ em có quyền được đăng ký khai sinh. Nhưng do còn non nớt về thể chất, tinh thần và trí tuệ, chưa thể tự mình thực hiện quyền, nên pháp luật có các quy định ràng buộc trách nhiệm của người thân thích khác và cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm thực thi quyền khai sinh của trẻ em. Luật Hộ tịch quy định trách nhiệm của hai nhóm đối tượng phải đăng ký khai sinh cho trẻ em. Thứ nhất, cha mẹ, người thân thích khác (*người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ em*) và thứ hai, công chức tư pháp – hộ tịch (*người có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký khai sinh cho trẻ em*).

1.4.1. Đối với nhóm thứ nhất (cha mẹ, người thân thích khác)

Luật quy định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày sinh con, cha hoặc mẹ có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho con; trường hợp cha, mẹ không thể đăng ký khai sinh cho con thì ông hoặc bà hoặc người thân thích khác hoặc cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em [16]. Theo đó, người có trách nhiệm đăng ký khai sinh cho trẻ em trước hết là cha, mẹ của trẻ em. Trường hợp cha, mẹ vì lý do khách quan, “bất khả kháng” không thể đi đăng ký khai sinh cho con được thì ông hoặc bà (bao gồm cả ông bà nội, ông bà ngoại) có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho cháu; nếu ông bà cũng không thể đi được, thì người thân thích khác có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Đối với trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em chưa xác định được cha mẹ thì cá nhân, tổ chức đang nuôi dưỡng trẻ em có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh cho trẻ em đó.

Người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh nêu trên phải cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các nội dung khai sinh cho cơ quan đăng ký hộ tịch, gồm: thông tin của người được đăng ký khai sinh (*họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch*); thông tin về cha, mẹ người được đăng ký khai sinh (*họ, chữ đệm, tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú*). Nếu

không phải cha mẹ đi khai sinh cho con, thì người đi khai sinh phải thống nhất với cha mẹ của trẻ về những nội dung khai sinh và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung này theo cam đoan trong Tờ khai đăng ký khai sinh [3].

1.4.2. Đối với nhóm thứ hai (công chức làm công tác hộ tịch)

Luật Hộ tịch quy định tại Ủy ban nhân dân cấp xã công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký khai sinh cho trẻ em, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc khai sinh cho trẻ trên địa bàn trong thời hạn quy định và thực hiện đăng ký khai sinh lưu động khi có yêu cầu theo quy định. Theo đó, công chức tư pháp - hộ tịch phải hoàn toàn chủ động, tích cực tham mưu cho Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong đăng ký và quản lý hộ tịch, chấp hành mọi quy định pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của người làm công tác hộ tịch, nghiêm túc thực hiện đúng trình tự, thủ tục đăng ký đối với mỗi loại việc hộ tịch và chịu trách nhiệm trước Lãnh đạo Ủy ban nhân dân đối với công tác hộ tịch tại địa bàn [3].

1.5. Thủ tục đăng ký khai sinh

1.5.1. Thủ tục đăng ký khai sinh cấp xã và một số trường hợp đặc biệt

Người đi đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền. Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.

Nếu hồ sơ đầy đủ, phù hợp quy định pháp luật, công chức tư pháp - hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy khai sinh cấp cho người đi đăng ký khai sinh. Đối với các địa phương đã triển khai cấp Sổ định danh cá nhân thì việc cập nhật thông tin khai sinh và lấy Sổ định danh cá nhân được tiến hành theo hướng dẫn riêng của Bộ Tư pháp.

** Thủ tục đăng ký khai sinh cho một số trường hợp đặc biệt:*

- Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi (theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ)

Người phát hiện trẻ bị bỏ rơi có trách nhiệm bảo vệ trẻ và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân hoặc công an cấp xã nơi trẻ bị bỏ rơi; trường hợp trẻ bị bỏ rơi tại cơ sở y tế thì Thủ trưởng cơ sở y tế có trách nhiệm thông báo. Ngay sau khi nhận được thông báo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức lập biên bản. Biên bản phải ghi rõ thời gian, địa điểm phát hiện trẻ bị bỏ rơi; đặc điểm nhận dạng như giới tính, thể trạng, tình trạng sức khỏe; tài sản hoặc đồ vật khác của trẻ (nếu có); họ, tên, giấy tờ chứng minh nhân thân, nơi cư trú của người phát hiện trẻ bị bỏ rơi. Biên bản phải được người lập, người phát hiện trẻ bị bỏ rơi, người làm chứng (nếu có) ký tên và đóng dấu xác nhận của cơ quan lập. Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu lại tại cơ quan lập, một bản giao cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng trẻ. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm giao trẻ cho cá nhân hoặc tổ chức tạm thời nuôi dưỡng tạm thời theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi lập biên bản có trách nhiệm niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân trong 7 ngày liên tục về việc trẻ bị bỏ rơi, văn bản niêm yết phải có thông tin về đặc điểm nhận dạng như: giới tính, thể trạng, độ tuổi của trẻ. Hết thời hạn niêm yết, nếu không có thông tin về cha, mẹ đẻ của trẻ, không có người nhận là cha, mẹ đẻ và chứng minh được mối quan hệ với trẻ, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho cá nhân hoặc tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ để tiến hành đăng ký khai sinh cho trẻ em.

Người có trách nhiệm đăng ký khai sinh là cá nhân hoặc đại diện tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ. Hồ sơ đăng ký khai sinh tương tự như hồ sơ đăng ký khai sinh thông thường; Biên bản về việc trẻ bị bỏ rơi có giá trị thay thế Giấy chứng sinh trong trường hợp trẻ không có giấy chứng sinh. Họ, chữ đệm, tên của trẻ được xác định theo quy định của pháp luật dân sự. Nếu không có cơ sở để xác định ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của trẻ thì lấy ngày, tháng phát hiện trẻ bị bỏ rơi là ngày, tháng sinh; căn cứ thể trạng của trẻ để xác định năm sinh; nơi sinh là nơi phát

hiện trẻ bị bỏ rơi; quê quán được xác định theo nơi sinh; quốc tịch của trẻ là quốc tịch Việt Nam; dân tộc của trẻ được xác định theo pháp luật dân sự. Phần khai về cha, mẹ của trẻ trong Giấy khai sinh và Sổ hộ tịch để; trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Trẻ bị bỏ rơi”.

Trường hợp trẻ bị bỏ rơi mà có giấy tờ kèm theo ghi họ tên của trẻ và họ tên cha mẹ, nhưng sau khi niêm yết theo quy định mà không tìm được cha mẹ để, thì phải để trống, không ghi tên cha mẹ vào Giấy khai sinh; chỉ ghi họ tên cha mẹ vào cột Ghi chú trong Sổ đăng ký khai sinh [8].

- Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ mẹ (theo quy định tại Điều 15, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ)

Trường hợp trẻ em chưa xác định được cha (đang ở với mẹ hoặc người thân thích khác): khi đăng ký khai sinh không bắt buộc người mẹ phải khai về cha đứa trẻ (trong trường hợp người mẹ khai về cha đứa trẻ, thì hướng dẫn người cha làm thủ tục nhận con); Họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của con được xác định theo họ, dân tộc, quê quán, quốc tịch của mẹ; phần khai về người cha trong Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh để trống, không được gạch chéo.

Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh, người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh. Hồ sơ kết hợp đăng ký khai sinh và nhận con theo quy định của Điều 12 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp, gồm: Tờ khai đăng ký khai sinh và Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu quy định; Giấy chứng sinh hoặc giấy tờ thay Giấy chứng sinh theo quy định tại Khoản 1, Điều 16 của Luật Hộ tịch; Chứng cứ chứng minh quan hệ cha, mẹ, con.

Trường hợp chưa xác định được mẹ (đang ở với cha hoặc người thân thích khác): khi đăng ký khai sinh người cha yêu cầu làm thủ tục nhận con thì Ủy ban nhân dân kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh; phần khai về mẹ trong Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của trẻ em để trống. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà có con chung, nếu người con sống cùng người cha

thì khi làm thủ tục nhận con và đăng ký khai sinh, thông tin về người mẹ được xác định theo quy định.

Trường hợp chưa xác định được cả cha và mẹ: thì thực hiện việc đăng ký khai sinh theo diện trẻ không xác định được cha, mẹ. Hồ sơ đăng ký khai sinh và trình tự giải quyết tương tự thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ đang cư trú tiến hành lập biên bản theo thực tế vụ việc, tiến hành niêm yết theo quy định. Người có trách nhiệm đi đăng ký khai sinh là người đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ; trong Sổ đăng ký khai sinh ghi rõ “Trẻ chưa xác định được cha, mẹ” [8].

- *Thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ (theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ)*

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha hoặc người mẹ nhờ mang thai hộ đăng ký khai sinh. Thủ tục thực hiện tương tự trường hợp đăng ký khai sinh thông thường tại Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời trong hồ sơ cần có văn bản xác nhận của cơ sở y tế đã thực hiện kỹ thuật hỗ trợ sinh sản cho việc mang thai hộ. Thông tin về cha, mẹ của trẻ em ghi theo thông tin của cặp vợ chồng nhờ mang thai hộ [8].

- *Thủ tục đăng ký khai sinh tại khu vực biên giới (theo định tại Điều 17, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ)*

Đối tượng: Trẻ sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam thường trú tại địa bàn xã ở khu vực biên giới, người kia là công dân nước láng giềng thường trú tại đơn vị hành chính tương đương cấp xã của Việt Nam tiếp giáp với xã ở khu vực biên giới của Việt Nam nơi công dân Việt Nam thường trú.

Thẩm quyền: Ủy ban nhân dân cấp xã ở khu vực biên giới nơi cha hoặc mẹ trẻ em là công dân Việt Nam thường trú.

Thủ tục đăng ký:

Người đi đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền. Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xác định tính hợp lệ của giấy

tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình; đối chiếu thông tin trong Tờ khai với giấy tờ trong hồ sơ.

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, nếu thông tin khai sinh đầy đủ, phù hợp quy định pháp luật, công chức tư pháp – hộ tịch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét. Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đồng ý giải quyết thì công chức tư pháp – hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh, cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ đăng ký khai sinh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận.

Nếu hồ sơ sau khi đã được hướng dẫn mà không được bổ sung đầy đủ, hoàn thiện thì người tiếp nhận từ chối tiếp nhận hồ sơ và lập văn bản từ chối tiếp nhận hồ sơ, trong đó ghi rõ lý do từ chối, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên của người tiếp nhận [8].

- Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động (theo quy định Điều 14 và 15 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp)

Đối tượng: Trường hợp trẻ em sinh ra mà cha mẹ bị khuyết tật, ốm bệnh không thể đi đăng ký khai sinh cho con; cha mẹ bị bắt, tạm giam hoặc đang thi hành án phạt tù mà không còn ông bà nội, ngoại và người thân thích khác hoặc những người này không có điều kiện đi đăng ký khai sinh cho trẻ thì Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành đăng ký khai sinh lưu động

Thủ tục đăng ký: Tại địa điểm đăng ký hộ tịch lưu động, công chức tư pháp – hộ tịch hướng dẫn người yêu cầu điền đầy đủ thông tin trong Tờ khai; kiểm tra các giấy tờ làm cơ sở cho việc đăng ký khai sinh theo quy định; viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, công chức tư pháp – hộ tịch đem theo giấy tờ hộ tịch và Sổ hộ tịch để trả kết quả cho người có yêu cầu tại địa điểm đăng ký lưu

động; hướng dẫn người dân ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên trong Sổ hộ tịch theo quy định. Tại mục “Ghi chú” trong Sổ hộ tịch ghi rõ “Đăng ký lưu động” [4].

- Thủ tục đăng ký lại khai sinh (theo quy định Điều 24, 25 và 26 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ)

Đối tượng: việc khai sinh đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01 tháng 01 năm 2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất và người yêu cầu còn sống tại thời điểm có yêu cầu.

Thành phần hồ sơ: hồ sơ đăng ký lại khai sinh gồm các giấy tờ sau đây:

+ Tờ khai theo mẫu quy định trong đó có cam đoan của người yêu cầu về việc đã đăng ký khai sinh nhưng không lưu giữ được bản chính Giấy khai sinh.

+ Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh của người đó.

+ Trường hợp người yêu cầu đăng ký lại khai sinh là cán bộ, công chức, viên chức, người đang công tác trong lực lượng vũ trang thì phải có văn bản xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị về những nội dung khai sinh của người đó gồm họ, chữ đệm, tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; dân tộc; quốc tịch; quê quán; quan hệ cha - con, mẹ - con phù hợp với hồ sơ do cơ quan, đơn vị đang quản lý.

Trình tự thực hiện: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, công chức tư pháp – hộ tịch kiểm tra, xác minh hồ sơ. Nếu việc đăng ký lại khai sinh là đúng quy định pháp luật thì công chức tư pháp – hộ tịch thực hiện đăng ký lại khai sinh như trình tự quy định tại Khoản 2, Điều 16 của Luật Hộ tịch.

Nếu việc đăng ký lại khai sinh được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã không phải nơi đã đăng ký khai sinh trước đây thì công chức tư pháp – hộ tịch thực hiện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký khai sinh trước đây kiểm tra, xác minh về việc có còn lưu giữ sổ đăng ký khai sinh trước đây hay không. Nếu còn lưu giữ, thì đương sự phải về xin cấp Trích lục khai sinh tại nơi đã đăng ký khai sinh trước đây. Nếu không còn lưu giữ sổ khai sinh trước đây, thì được đăng ký lại khai sinh [8].

1.5.2. Thủ tục đăng ký khai sinh cấp huyện

Người yêu cầu đăng ký khai sinh nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền.

Người tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra ngay toàn bộ hồ sơ, đối chiếu thông tin trong Tờ khai và tính hợp lệ của giấy tờ trong hồ sơ do người yêu cầu nộp, xuất trình.

Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người tiếp nhận hồ sơ viết giấy tiếp nhận, trong đó ghi rõ ngày, giờ trả kết quả. Sau khi nhận được hồ sơ, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng ý giải quyết thì công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ đăng ký khai sinh và cùng người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký Giấy khai sinh cấp cho người được đăng ký khai sinh.

Trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch Việt Nam cho con thì công chức làm công tác hộ tịch cập nhật thông tin khai sinh vào hệ thống phần mềm dùng chung theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp để lấy Số định danh cá nhân. Đối với các địa phương chưa áp dụng phần mềm dùng chung thì thực hiện theo thủ tục thông thường; tạm thời chưa lấy Số định danh cá nhân.

Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hoàn thiện thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện theo quy định; trường hợp không thể bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ngay thì phải lập thành văn bản hướng dẫn, trong đó nêu rõ loại giấy tờ, nội dung cần bổ sung cần hoàn thiện, ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên [3].

1.6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký khai sinh

1.6.1. Cơ quan đăng ký hộ tịch trong nước

Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quản lý Nhà nước về công tác hộ tịch tại địa phương, có nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra việc đăng ký và quản lý hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã; thực hiện đăng ký hộ tịch, đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài theo thẩm quyền quy định tại Điều 70 của Luật Hộ tịch, thực hiện đăng ký hộ

tịch có yếu tố nước ngoài; thay đổi, cải chính hộ tịch cho người 14 tuổi trở lên; xác định lại dân tộc [16].

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, thực hiện đăng ký hộ tịch theo thẩm quyền; trực tiếp đăng ký khai sinh cho công dân Việt Nam cư trú trên địa bàn; bảo đảm mọi trẻ em đều được đăng ký khai sinh; nếu trên địa bàn có trường hợp thuộc diện đăng ký khai sinh lưu động thì phải bố trí điều kiện, cơ sở vật chất, nhân lực thực hiện việc đăng ký lưu động, bảo đảm quyền lợi của trẻ em [16].

Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai việc thực hiện liên thông thủ tục hành chính: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ Bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi trên địa bàn theo quy định của Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT của liên Bộ Tư pháp, Công an và Y tế [5].

1.6.2. Công chức làm công tác hộ tịch

Công chức của Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao làm công tác hộ tịch phải đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của Luật Hộ tịch; có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân huyện đăng ký các việc hộ tịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện và thực hiện quản lý Nhà nước về công tác hộ tịch trên địa bàn huyện [3].

Công chức tư pháp - hộ tịch là người giúp Ủy ban nhân dân xã, có trách nhiệm tiếp nhận, hướng dẫn người đi đăng ký khai sinh ghi đúng, đủ nội dung trong Tờ khai đăng ký khai sinh; kiểm tra đối chiếu hồ sơ, yêu cầu đăng ký khai sinh với các quy định của pháp luật hiện hành. Trong đó, đặc biệt lưu ý việc xác định họ, tên; dân tộc; quốc tịch; quê quán của trẻ em trước khi ghi vào Sổ hộ tịch và Giấy khai sinh. Nếu thấy hồ sơ đầy đủ, bảo đảm đúng quy định thì ghi đầy đủ thông tin vào Sổ hộ tịch, sau đó cập nhật thông tin vào phần mềm đăng ký hộ tịch để lấy số định danh cá nhân (*đối với những cơ quan đăng ký hộ tịch đã sử dụng phần mềm đăng ký khai sinh và cấp số định danh cá nhân*); trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã ký Giấy khai sinh; hướng dẫn người đi đăng ký khai sinh ký, ghi rõ họ, chữ đệm,

tên trong Sổ đăng ký khai sinh và trao Giấy khai sinh cho người đi đăng ký khai sinh [3].

1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc đăng ký khai sinh

1.7.1. Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật

Nhận thức của người dân đối với quyền và nghĩa vụ đăng ký khai sinh là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện đăng ký khai sinh. Đặc biệt là ở những địa phương công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chưa được quan tâm là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trẻ em sinh ra không được đăng ký khai sinh đúng hạn, thậm chí không được đăng ký khai sinh.

Vai trò của đăng ký khai sinh đối với việc quản lý nhà nước: Nhà nước đăng ký khai sinh cho công dân là để Nhà nước quản lý về mặt pháp lý từng người dân, qua đó quản lý toàn bộ dân cư trong cả nước, nắm bắt được biến động tự nhiên về dân cư. Nhà nước quản lý con người, thống kê được dân số, tình hình tăng dân số giúp Nhà nước có cơ sở hoạch định chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Qua đó, Nhà nước có cơ sở khoa học để hoạch định các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội. Mặt khác công tác đăng ký khai sinh một yêu cầu không thể thiếu trong quản lý nhà nước về hộ tịch, là ghi nhận về mặt pháp lý sự tồn tại của một cá nhân, là cơ sở ràng buộc trách nhiệm giữa Nhà nước và công dân, từ đó phát sinh trách nhiệm của Nhà nước trong việc chăm lo đời sống người dân, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân. Hơn thế nữa, đối với Nhà nước thông qua việc đăng ký này đảm bảo được quyền của công dân, quyền được khai sinh mà pháp luật đã quy định. Đặc biệt đối với trẻ em đối tượng Nhà nước quan tâm bảo vệ, thì đăng ký khai sinh cho trẻ em là nghĩa vụ phải làm của Nhà nước nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của trẻ em, đối tượng được quan tâm hàng đầu trong mọi xã hội.

1.7.2. Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

Việc bố trí công chức hộ tịch, việc bố trí công chức có năng lực, trình độ, chuyên trách làm công tác đăng ký hộ tịch bảo đảm đáp ứng yêu cầu của người dân là yêu cầu bức thiết. Ngoài ra, Luật Hộ tịch còn quy định rõ những nhiệm vụ, quyền

hạn của công chức làm công tác hộ tịch phải thực hiện như: kiểm tra, rà soát, phát hiện, chủ động đăng ký kịp thời việc khai sinh, khai tử phát sinh trên địa bàn; tổ chức đăng ký lưu động đối với việc khai sinh, khai tử, kết hôn; thường xuyên tự nghiên cứu, trau dồi kiến thức pháp luật để nâng cao năng lực và nghiệp vụ đăng ký hộ tịch; tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân chấp hành tốt các quy định của pháp luật về hộ tịch. Tuy nhiên, với khối lượng công việc khác nhau của mỗi địa phương, việc quy định tất cả các địa phương phải có công chức làm công tác hộ tịch chuyên trách chưa phù hợp với tình hình thực tế đây cũng là một yếu tố ảnh hưởng đến việc đăng ký hộ tịch nói chung, đăng ký khai sinh nói riêng.

Việc tổ chức, bồi dưỡng nghiệp vụ, việc còn coi nhẹ công tác tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có địa phương chỉ tổ chức triển khai khi có những văn bản mới mà không định kỳ tổ chức bồi dưỡng về nghiệp vụ hộ tịch; chính vì không được kịp thời bồi dưỡng nghiệp vụ nên số công chức mới thay thế không đáp ứng được yêu cầu công việc.

Về đầu tư cơ sở, vật chất phục vụ cho công tác hộ tịch, việc trang bị máy vi tính, tủ cất giữ hồ sơ, bố trí kho lưu trữ cho công chức tư pháp - hộ tịch tác nghiệp ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đăng ký khai sinh; công chức Tư pháp - Hộ tịch không được đầu tư đầy đủ cơ sở, vật chất phục vụ cho công tác sẽ không đáp ứng yêu cầu về thời gian trả kết quả cho công dân, việc lưu trữ các hồ sơ, giấy tờ khác cũng dễ làm thất lạc hay hư hỏng hồ sơ, đặc biệt là sổ hộ tịch.

Mặc dù việc đăng ký hộ tịch bằng điện tử đã được triển khai ở một số địa phương, nhưng mức độ áp dụng còn rất hạn chế. Phương thức đăng ký hộ tịch hiện nay chủ yếu vẫn thực hiện theo phương pháp thủ công (*ghi bằng tay, lưu bằng sổ tay, đăng ký trực tiếp*). Do chưa có Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, nên việc lưu sổ giấy dễ dẫn đến bị hỏng, bị mất, từ đó không đáp ứng được yêu cầu thống kê số liệu cũng như yêu cầu cấp giấy tờ hộ tịch cho người dân. Hơn nữa, phương thức đăng ký hộ tịch này không phù hợp với định hướng xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

1.7.3. Hoạt động giám sát, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký khai sinh

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp trái quy định pháp luật; Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp trái quy định pháp luật; trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật.

Hành vi vi phạm hành chính, hình phạt, mức phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả thực hiện theo quy định tại Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Chính phủ; Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực hộ tịch theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo, Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Hoạt động giám sát, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý và đăng ký khai sinh là nhiệm vụ quan trọng. Thực hiện đầy đủ, có hiệu quả chức năng trên sẽ giúp bảo đảm tốt quyền nhân thân của cá nhân.

Tiểu kết Chương 1

Đăng ký khai sinh và cấp Giấy khai sinh là hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước, tạo cơ sở pháp lý để xác định tư cách công dân, qua đó chính thức thiết lập mối quan hệ giữa công dân với Nhà nước, đồng thời là cơ sở pháp lý để cá nhân thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Vì vậy, đăng ký khai sinh là sự kiện hộ tịch quan trọng nhất, cấp “tấm thẻ vào đời” cho mỗi cá nhân.

Chính vì vậy, cần thực hiện tốt, hiệu quả việc đăng ký khai sinh cho trẻ em, bảo đảm tất cả trẻ em sinh ra đều được đăng ký khai sinh đúng quy định của pháp luật; các nội dung khai sinh phải đảm bảo chính xác; bản chính Giấy khai sinh phải hợp lệ. Đồng thời cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cha mẹ, người thân thích trong gia đình trong việc đăng ký khai sinh cho trẻ em, qua đó giúp trẻ em được hưởng đầy đủ quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật.

Chương 2

THỰC TRẠNG ĐĂNG KÝ KHAI SINH TẠI HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát chung về huyện Hóc Môn

Về vị trí địa lý: Hóc Môn là một trong 5 huyện ngoại thành, nằm ở phía Tây Bắc của Thành phố Hồ Chí Minh, cách trung tâm thành phố 20 km; phía Bắc giáp huyện Củ Chi; phía Nam giáp Quận 12; phía Đông giáp huyện Thuận An của tỉnh Bình Dương, ranh giới là sông Sài Gòn; phía Tây giáp huyện Đức Hoà của tỉnh Long An, huyện Bình Chánh và quận Bình Tân của Thành phố Hồ Chí Minh; có diện tích tự nhiên 10943 ha, trong đó có 6659 ha đất sản xuất nông nghiệp. Nằm ở cửa ngõ của thành phố, Hóc Môn có hệ thống đường quốc lộ, đường vành đai, tỉnh lộ, hương lộ khá hoàn chỉnh. Sông, kênh rạch cũng là thế mạnh về giao thông đường thủy, tất cả tạo cho huyện một vị trí thuận lợi để phát triển công nghiệp và đô thị hóa, hỗ trợ cho nội thành giảm áp lực dân cư, đồng thời là vành đai cung cấp thực phẩm cho thành phố.

Về tình hình dân cư: Toàn huyện có 94173 hộ dân với 447908 nhân khẩu, có 79 ấp và 08 khu phố với 1430 tổ nhân dân – tổ dân phố; có 03 dân tộc chủ yếu là: Kinh, Hoa, Khome cùng chung sống. Hầu hết nhân dân trong huyện có phong tục thờ cúng ông bà tổ tiên, ngoài ra còn có một số ít theo đạo phật, thiên chúa, tin lành, cao đài. Các cơ sở tôn giáo không chỉ là nơi hành đạo mà còn là nơi hành hương của nhiều bộ phận nhân dân khác trong những lễ hội, bởi cư dân sinh sống trên địa bàn huyện Hóc Môn từ bao đời nay dù theo đời sống tâm linh nào cũng thương yêu đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Hóc Môn còn lưu giữ nhiều di tích văn hóa và di tích lịch sử ghi dấu quá trình góp công, góp sức của cha ông xưa xây dựng mảnh đất 18 thôn Vườn Trầu. Rất nhiều địa danh của huyện mang tên những người có công với dân làng hay anh hùng dân tộc. Một số phong tục tập quán tốt đẹp còn duy trì như thờ Thần Hoàng, thờ những người có công, anh hùng dân tộc, liệt sĩ vô danh, tưởng nhớ những người hy sinh vì nghĩa lớn.

Về kinh tế, văn hóa, xã hội: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm của huyện Hóc Môn đạt 19,95%/năm. Cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng “thương mại – dịch vụ, công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp”. Ngành thương mại – dịch vụ tăng bình quân 21,2%/năm, trên địa bàn huyện có 13 chợ, 02 siêu thị, nhiều cửa hàng tiện ích, hộ kinh doanh cá thể, giúp lưu thông hàng hóa. Ngành công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp tăng trưởng bình quân đạt 20,9%/năm. Ngành nông nghiệp tăng bình quân đạt 3,1%/năm; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ của nhà nước để chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, qua đó giúp nông dân phát triển sản xuất, chuyển đổi dần diện tích trồng lúa và cây trồng không hiệu quả sang cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn, giá thành cạnh tranh, an toàn thực phẩm. Công tác điều hành ngân sách được chú trọng, đảm bảo cân đối thu – chi ngân sách. Quan tâm bố trí nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển hạ tầng, các công trình cấp bách, trọng điểm và các dự án phục vụ nhu cầu dân sinh, nhất là các công trình giao thông nông thôn theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm. Tiếp tục đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy, chuẩn hóa trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống trong học đường. Kết quả các kỳ thi tốt nghiệp cuối cấp, phổ cập giáo dục các bậc học đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người có công, diện chính sách, dân nghèo. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề kết hợp giới thiệu và giải quyết việc làm cho người lao động. Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân tại các cơ sở y tế từng bước được cải thiện; chủ động triển khai các chương trình phòng, chống dịch bệnh, thực hiện quản lý an toàn thực phẩm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ngày càng phát triển về chiều rộng và chiều sâu, từng bước xây dựng xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, xã – thị trấn đạt văn minh đô thị.

Về hệ thống chính trị ở cấp xã: huyện Hóc Môn được chia thành 12 đơn vị hành chính, gồm 11 xã và 01 thị trấn; có 10 xã xây dựng nông thôn mới và 02 xã – thị trấn xây dựng văn minh đô thị. Tất cả 12/12 xã – thị trấn của huyện Hóc Môn

đều đạt đơn vị hành chính cấp xã loại 1 theo Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân loại đơn vị phường, xã, thị trấn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đánh giá những yếu tố ảnh hưởng đến đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn

2.2.1. Phổ biến, giáo dục pháp luật nâng cao nhận thức người dân về đăng ký khai sinh

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật là giải pháp quan trọng đảm bảo cho pháp luật quản lý hộ tịch đăng ký hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh nói riêng đi vào cuộc sống. Thực tiễn hiện nay cho thấy, sự hiểu biết các quy định pháp luật về đăng ký khai sinh của đội ngũ cán bộ, công chức nói riêng và của nhân dân nói chung trên địa bàn huyện Hóc Môn còn hạn chế. Để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn huyện về pháp luật và triển khai thực hiện có hiệu quả pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh, hằng năm Ủy ban nhân dân huyện đều ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật.

Xác định công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành các Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 25/11/2016, Kế hoạch số 126/KH-UBND ngày 11/01/2017, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện đã chỉ đạo các thành viên trong Hội đồng và các phòng, ban huyện, Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho cán bộ, công chức của đơn vị mình và nhân dân trên địa bàn huyện Hóc Môn. Bám sát nội dung, yêu cầu trong các văn bản của Đảng, Nhà nước về phổ biến giáo dục pháp luật, Luật Phổ biến giáo dục pháp luật, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành, chương trình trọng tâm công tác tư pháp hằng năm của huyện, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật đã ban hành các văn bản đề nghị thành viên Hội đồng và các phòng, ban huyện, Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

Các đơn vị thành viên Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật huyện, các phòng, ban, đoàn thể huyện và 12 xã – thị trấn đều đã triển khai Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật của đơn vị mình, phổ biến sâu rộng Luật Hộ tịch, các quy định về đăng ký khai sinh đến các đối tượng.

Nhằm mục đích để người dân nhận thức được việc đăng ký khai sinh vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của mình, đồng thời hiểu được tầm quan trọng của công tác tư pháp – hộ tịch trong việc phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội và giữ gìn trật tự trên địa bàn, trong thời gian qua cấp ủy, chính quyền huyện đã thực hiện công tác tuyên truyền pháp luật quản lý về pháp luật hộ tịch, đăng ký khai sinh bằng nhiều hình thức khác nhau.

Hàng năm, Huyện đã phát hành tờ gấp liên quan đến các thủ tục về đăng ký khai sinh, tư pháp ở 12 xã – thị trấn căn cứ vào tình hình địa phương kết hợp các buổi sinh hoạt, hội nghị của Hội Liên hiệp phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân... để thực hiện tuyên truyền. Thông qua loa phát thanh của huyện, 12 xã – thị trấn, những nội dung mới về đăng ký khai sinh trong Luật Hộ tịch cũng được tuyên truyền đến từng người dân.

Phòng Tư pháp huyện vừa là cơ quan tham mưu các kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, vừa là cơ quan tổ chức thường xuyên các hội nghị triển khai khi có văn bản mới liên quan đến công tác hộ tịch, đăng ký khai sinh, như Hội nghị triển khai Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bên cạnh đó, theo định kỳ 12 xã – thị trấn thường xuyên cử công chức Tư pháp – Hộ tịch tham tập huấn các lớp nghiệp vụ công tác hộ tịch do Sở Nội vụ thành phố Hồ Chí Minh tổ chức. Phòng Tư pháp huyện cũng tiến hành giao ban hàng tháng với 12 xã – thị trấn để lắng nghe giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn trong tác đăng ký hộ tịch, đăng ký khai sinh. Đồng thời chuyên viên phụ trách công tác hộ tịch của Phòng Tư pháp huyện là đầu mối để hướng dẫn chuyên môn cho công chức hộ tịch xã – thị trấn giải quyết công việc khi cần thiết.

Hàng năm, Phòng Tư pháp huyện thực hiện kiểm tra công tác Tư pháp – Hộ tịch đối với 12 xã – thị trấn. Thu hồi và hủy bỏ một số giấy tờ hộ tịch cấp trái với

quy định của pháp luật. Ban hành một số văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn về công tác chuyên môn.

Tuy nhiên công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh đối với người dân trên địa bàn huyện còn hạn chế. Việc tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về hộ tịch đến người dân tuy đã được thực hiện khá tốt trên địa bàn huyện nhưng cũng còn một số hạn chế, vẫn còn tình trạng người dân chưa nhận biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong vấn đề hộ tịch, số liệu đăng ký khai sinh quá hạn vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể. Năm 2016 đăng ký khai sinh quá hạn 981 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 17 %*) [13], năm 2017 đăng ký khai sinh quá hạn 1335 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 23,72 %*) [14].

2.2.2. Thực trạng đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch ở huyện Hóc Môn

Một nhân tố quan trọng quyết định hiệu quả của công tác đăng ký và quản lý hộ tịch đó là nhân tố con người. Chính vì vậy đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch luôn được Ủy ban nhân dân huyện qua tâm bồi dưỡng và không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Tại Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, hiện nay không có công chức chuyên trách về hộ tịch. Công tác hộ tịch, đăng ký khai sinh do 01 công chức Phòng Tư pháp huyện kiêm nhiệm thực hiện, có trình độ Cử nhân Luật.

Ở cấp xã, theo số liệu tổng rà soát đội ngũ làm công tác hộ tịch xã – thị trấn tính đến 31/12/2017 cho thấy:

Thứ nhất, về mặt cơ cấu tổ chức, hiện nay cả huyện Hóc Môn có 12 công chức làm công tác hộ tịch, làm việc tại Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn. Về giới tính, trong 12 công chức làm công tác hộ tịch có: 03 nam giới (*chiếm tỷ lệ 25 %*), nữ giới là 09 người (*chiếm tỷ lệ 75 %*). Về độ tuổi, dưới 30 tuổi có 01 người (*chiếm tỷ lệ 8,33 %*), từ 30 đến dưới 40 tuổi có 09 người (*chiếm tỷ lệ 75 %*), từ 40 đến dưới 50 tuổi có 01 người (*chiếm tỷ lệ 8,33 %*), trên 50 tuổi có 01 người (*chiếm tỷ lệ 8,33 %*).

Thứ hai, về chất lượng, trình độ văn hóa: 12/12 công chức đã tốt nghiệp trung học phổ thông (*chiếm tỷ lệ 100 %*). Về trình độ chuyên môn, 12/12 công chức có trình độ Cử nhân Luật (*chiếm tỷ lệ 100 %*). Về bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ

hộ tịch, 12/12 công chức làm công tác hộ tịch đều được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ (*chiếm tỷ lệ 100 %*). Theo đánh giá chất lượng công chức hằng năm, năm 2016, 12/12 công chức tư pháp – hộ tịch được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (*chiếm tỷ lệ 100 %*); Năm 2017, 12/12 công chức tư pháp – hộ tịch được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ (*chiếm tỷ lệ 100 %*). Về thời gian công tác, số công chức làm công tác hộ tịch từ 5 năm trở lên là 07 người (*chiếm tỷ lệ 58,33%*), số còn lại là 05 người (*chiếm tỷ lệ 41,67 %*) đảm nhiệm công việc này dưới 5 năm.

Qua số liệu trên cho ta thấy đội ngũ làm công tác hộ tịch và đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn trên địa bàn huyện đã được quan tâm củng cố đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng. Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch và đăng ký khai sinh được quan tâm kiện toàn, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn và được chuẩn hóa về mọi mặt, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, đăng ký khai sinh phần lớn có tinh thần trách nhiệm, tận tâm với công việc được giao. Độ tuổi các công chức làm công tác hộ tịch, đăng ký khai sinh ngày càng được trẻ hóa. Đây là lực lượng quan trọng góp phần tăng thêm hiệu quả công tác quản lý hộ tịch, đăng ký khai sinh trên địa bàn.

Tuy nhiên, việc bố trí công chức làm công tác hộ tịch còn chưa được bố trí ổn định, lâu dài, việc luân chuyển chuyển đổi vị trí công tác chưa hợp lý, trong thời điểm Luật hộ tịch bắt đầu có hiệu lực thi hành. Trong năm 2016 và năm 2017 tại các đơn vị: xã Tân Hiệp, xã Xuân Thới Thượng, xã Xuân Thới Đông, xã Tân Xuân có luân chuyển công chức làm công tác hộ tịch, việc bố trí công chức mới, chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực tư pháp – hộ tịch do đó chưa nắm chắc được các quy định pháp luật về hộ tịch và đăng ký khai sinh dẫn đến công tác thực hiện còn nhiều sai sót, không đúng quy định.

2.2.3. Hoạt động giám sát, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về đăng ký khai sinh

Kiểm tra, giám sát là yêu cầu không thể thiếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Hoạt động giám sát, kiểm tra đối với công chức trong thi hành công vụ là một trong những hoạt động quản lý, mang tính quyền lực nhà nước đối với đội ngũ công chức nhằm giúp cơ quan quản lý nắm bắt được công việc của đối tượng quản lý, đảm bảo công vụ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Việc kiểm tra, giám sát sự chấp hành pháp luật quản lý về đăng ký khai sinh có tác dụng ngăn ngừa, răn đe rất lớn và hiệu quả. Có thể nói, thái độ chấp hành pháp luật hoặc mức độ chính xác trong áp dụng pháp luật của công chức cơ quan hành chính nhà nước phụ thuộc rất lớn vào kết quả của sự kiểm tra, giám sát sự chấp hành pháp luật. Mặt khác, cũng thấy rằng công chức cơ quan hành chính nhà nước thi hành, chấp hành pháp luật một cách tự giác, nghiêm chỉnh một khi họ có thái độ đúng đắn đối với pháp luật. Thông qua hoạt động kiểm tra, giám sát giúp cho công chức cơ quan hành chính nhà nước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bồi dưỡng tình cảm, ý thức pháp luật và khả năng tiến hành các hành vi pháp lý đúng đắn, chính xác.

Công tác kiểm tra cần thực hiện các nội dung chuyên đề, chủ động tiến hành hình thức kiểm tra trực tiếp thay cho hình thức tự kiểm tra, báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước về tình hình thực hiện pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh. Hoạt động này cần được tiến hành thường xuyên, liên tục theo các cách thức định kỳ hoặc đột xuất.

Đẩy mạnh hoạt động giám sát thực hiện pháp luật nói chung, pháp luật quản lý về hộ tịch, đăng ký khai sinh. Để hoạt động này thực hiện tốt, cần ban hành văn bản pháp luật cụ thể hóa trình tự, thủ tục giám sát, nội dung giám sát của từng chủ thể có thẩm quyền giám sát và đặc biệt xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong hoạt động này. Hoạt động kiểm tra giám sát cần đi vào thực chất trên cơ sở

các chương trình cụ thể hằng quý, hằng tháng với nội dung rõ ràng, trách sự dàn trải không hiệu quả.

Cũng với hoạt động giám sát, kiểm tra, cần phải tăng cường công tác xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh trong các cơ quan hành chính nhà nước. Bảo đảm mọi hành vi trái pháp luật đều bị xử lý bất kể người vi phạm có vị trí xã hội, nghề nghiệp, thành phần xuất thân nào. Đặc biệt, những hành vi trái pháp luật do công chức cơ quan hành chính nhà nước gây ra cần phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, không thiên vị. Tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi trái pháp luật, người vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, bồi hoàn một phần thiệt hại vật chất, thậm chí phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Bên cạnh đó cần chú ý tạo cơ chế phát hiện ra vi phạm pháp luật, vi phạm hoạt động công vụ ngay từ chính cán bộ, công chức do nhân dân hoặc chính đội ngũ công chức thực hiện thông qua việc đặt hòm thư góp ý, xây dựng quy chế dân chủ trong nội bộ cơ quan. Ngoài ra, cần có cơ chế khen thưởng kịp thời, thích đáng đối với công chức cơ quan hành chính nhà nước thực hiện tốt công vụ, khen thưởng, biểu dương người tố giác hành vi trái pháp luật và thường xuyên tổng kết thực trạng vi phạm pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh. Từ đó xây dựng kế hoạch khắc phục kịp thời, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật trong khi thi hành công vụ.

Cụ thể trong năm 2016 và năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn đã tiến hành 24 lượt kiểm tra công tác quản lý hộ tịch và đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn trên địa huyện, đã xử lý kỷ luật 01 công chức phụ trách công tác hộ tịch; thu hồi, hủy bỏ 31 giấy tờ hộ tịch cấp không đúng quy định [23] [24].

2.3. Thực trạng đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn

2.3.1. Kết quả đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn và các quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Theo báo cáo tổng kết công tác tư pháp năm 2016 và năm 2017 kết quả đăng ký khai sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Bảng 2.2: Kết quả đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện tại 24 quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Quận/huyện	Tổng số	Chia theo quốc tịch của cha, mẹ					
			Có cha và mẹ là người nước ngoài			Có cha hoặc mẹ là người nước ngoài còn người kia là công dân Việt Nam		
			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
				Nam	Nữ		Nam	Nữ
NĂM 2016								
1	Quận 1	46	05	03	02	41	22	19
2	Quận 2	79	35	16	19	44	19	25
3	Quận 3	45	04	02	02	41	24	17
4	Quận 4	59	01	01	00	58	33	25
5	Quận 5	59	01	01	00	58	33	25
6	Quận 6	45	00	00	00	45	21	24
7	Quận 7	113	33	16	17	80	36	44
8	Quận 8	49	00	00	00	49	30	19
9	Quận 9	21	00	00	00	21	12	09
10	Quận 10	48	00	00	00	48	23	25
11	Quận 11	75	01	00	01	74	29	45
12	Quận 12	37	02	01	01	35	15	20
13	Quận Bình Thạnh	112	10	05	05	102	50	52
14	Quận Bình Tân	66	00	00	00	66	58	08
15	Quận Tân Bình	58	01	01	00	57	32	25
16	Quận Tân Phú	41	01	00	01	40	24	16
17	Quận Gò Vấp	60	01	01	00	59	30	29
18	Quận Phú Nhuận	45	28	15	13	17	09	08
19	Quận Thủ Đức	42	06	02	04	36	19	17
20	Huyện Hóc Môn	22	01	00	01	21	11	10
21	Huyện Củ Chi	17	00	00	00	17	09	08
22	Huyện Nhà Bè	30	05	01	04	25	08	17
23	Huyện Bình Chánh	25	01	01	00	24	13	11
24	Huyện Cần Giờ	01	00	00	00	01	00	01
		1195	136	66	70	1059	560	499

NĂM 2017								
1	Quận 1	63	05	02	03	58	36	22
2	Quận 2	92	39	16	23	53	24	29
3	Quận 3	31	02	02	00	29	16	13
4	Quận 4	56	01	01	00	55	27	28
5	Quận 5	49	03	00	03	46	25	21
6	Quận 6	45	01	01	00	44	18	26
7	Quận 7	106	27	19	08	79	35	44
8	Quận 8	66	03	03	00	63	34	29
9	Quận 9	26	00	00	00	26	14	12
10	Quận 10	48	01	01	00	47	23	24
11	Quận 11	53	01	01	00	52	22	30
12	Quận 12	40	04	01	03	36	15	21
13	Quận Bình Thạnh	96	04	02	02	92	46	46
14	Quận Bình Tân	57	00	00	00	57	22	35
15	Quận Tân Bình	71	03	03	00	68	30	38
16	Quận Tân Phú	39	00	00	00	39	18	21
17	Quận Gò Vấp	75	00	00	00	75	38	37
18	Quận Phú Nhuận	34	02	01	01	32	17	15
19	Quận Thủ Đức	32	03	01	02	29	15	14
20	Huyện Hóc Môn	07	00	00	00	07	05	02
21	Huyện Củ Chi	17	00	00	00	17	09	08
22	Huyện Nhà Bè	28	03	03	00	25	16	09
23	Huyện Bình Chánh	17	03	00	03	14	11	03
24	Huyện Cần Giờ	02	00	00	00	02	01	01
		1150	105	57	48	1045	517	528

Nguồn: Báo cáo Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua bảng số liệu cho thấy, nếu so sánh số lượng đăng ký khai sinh tại huyện Hóc Môn với các huyện ngoại thành, thì số lượng hồ sơ đăng ký khai sinh không nhiều, luôn ở vị trí trung bình giữa các huyện ngoại thành. Về đối tượng đăng ký khai sinh chủ yếu là bé có cha hoặc mẹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài (năm 2016 là 21/22 trường hợp, năm 2017 là 07/07 trường hợp), số lượng trẻ có cha hoặc mẹ là người nước ngoài rất thấp.

Bảng 2.3: Kết quả đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã tại 24 quận, huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh

TT	Quận/Huyện	Đăng ký khai sinh										Đăng ký lại
		Đăng ký mới										
		Tổng số	Chia theo dân tộc		Chia theo giới tính		Chia theo thời điểm đăng ký					
			Dân tộc kinh	Dân tộc khác	Nam	Nữ	Đúng hạn	Quá hạn				
								Tổng số	Trong đó:			
Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo	Dưới 5 tuổi											
NĂM 2016												
1	Quận 1	3048	2773	275	1603	1445	2548	500	218	287	101	
2	Quận 2	2241	2220	21	1093	1148	1922	319	106	171	110	
3	Quận 3	2592	2468	124	1370	1222	2243	349	148	269	168	
4	Quận 4	2705	2567	138	1363	1342	2079	626	315	275	144	
5	Quận 5	2230	1700	530	1138	1092	1947	283	113	170	132	
6	Quận 6	3687	2896	791	2015	1672	3218	469	215	278	290	
7	Quận 7	3380	3326	54	1682	1698	2750	630	481	280	109	
8	Quận 8	5612	5041	571	2939	2673	4597	1015	254	553	261	
9	Quận 9	3943	3907	36	1980	1963	3575	368	123	183	201	
10	Quận 10	2858	2590	268	1468	1390	2479	379	188	222	249	
11	Quận 11	3357	2190	1167	1680	1677	2729	628	220	456	161	
12	Quận 12	5852	5734	118	3084	2768	5388	464	233	197	189	
13	Quận Bình Thạnh	5570	5457	113	2925	2645	4758	812	395	417	235	
14	Quận Bình Tân	6305	5900	405	3175	3130	5359	946	637	461	180	
15	Quận Tân Bình	5572	5403	169	2909	2663	4637	935	32	355	179	
16	Quận Tân Phú	5119	4725	394	2648	2471	4215	904	401	452	175	
17	Quận Gò Vấp	6255	6146	109	3037	3218	5561	694	810	402	238	
18	Quận Phú Nhuận	2188	2102	86	1093	1095	1910	278	110	182	227	

19	Quận Thủ Đức	5306	5224	82	2700	2606	4498	808	229	332	162
20	Huyện Hóc Môn	5776	5676	100	3128	2648	4795	981	240	367	228
21	Huyện Củ Chi	6205	6138	67	3171	3034	5258	947	235	418	283
22	Huyện Nhà Bè	1956	1933	23	1036	920	1718	238	381	441	133
23	Huyện Bình Chánh	5339	5237	102	2672	2667	4363	976	232	341	269
24	Huyện Cần Giờ	1479	1465	14	784	695	969	510	53	125	400
		98575	92818	5757	50693	47882	83516	15059	6369	7634	5284
NĂM 2017											
1	Quận 1	3093	2829	264	1589	1504	2486	607	190	400	103
2	Quận 2	2331	2311	20	1159	1172	1958	373	114	159	87
3	Quận 3	2382	2300	82	1251	1131	1966	416	172	322	191
4	Quận 4	2680	2560	120	1405	1275	2028	652	224	382	80
5	Quận 5	2107	1529	578	110	1000	1834	273	107	166	139
6	Quận 6	3588	2763	825	1825	1763	2946	642	170	411	242
7	Quận 7	3367	3302	65	1708	1609	2617	750	197	342	192
8	Quận 8	5564	5057	507	2813	2751	4321	1243	316	750	290
9	Quận 9	4380	4345	35	2172	2208	3717	663	172	310	210
10	Quận 10	2790	2558	232	1412	1378	2414	376	194	290	286
11	Quận 11	3092	2012	1080	1578	1514	2489	603	171	363	121
12	Quận 12	5818	5692	126	2998	2820	4617	1201	420	769	136
13	Quận Bình Thạnh	5537	5399	138	2777	2760	4330	1207	387	646	195
14	Quận Bình Tân	6349	5759	590	3212	3137	4983	1366	354	705	159
15	Quận Tân Bình	5570	5389	181	2808	2762	4511	1059	36	655	219
16	Quận Tân Phú	5362	4963	399	2738	2624	4363	999	295	590	140
17	Quận Gò Vấp	6843	2274	169	3518	3325	5785	1058	341	597	365
18	Quận Phú Nhuận	2068	2003	65	1063	1005	1757	311	126	221	214
19	Quận Thủ Đức	5737	5652	85	2962	2775	4756	981	288	379	145
20	Huyện Hóc Môn	5628	5481	84	2941	2624	4230	1335	248	501	277
21	Huyện Củ Chi	8596	8502	94	4301	4295	5358	3238	729	986	1267
22	Huyện Nhà Bè	2174	2150	24	1074	1100	1740	434	105	231	157
23	Huyện Bình Chánh	5563	5452	111	2839	2724	4901	662	225	437	346
24	Huyện Cần Giờ	1505	1479	26	738	767	1025	480	47	116	431
		102342	96161	5900	51988	50073	81132	20929	5628	10728	5992

Nguồn: Báo cáo Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh.

Qua bảng số liệu cho thấy số lượng hồ sơ đăng ký khai sinh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện Hóc Môn, so sánh trong năm huyện ngoại thành luôn chiếm số lượng cao, luôn đứng ở vị trí thứ 2 chỉ sau huyện Củ Chi. Chiếm tỷ lệ 5,9 % lượng hồ sơ đăng ký khai sinh năm 2016 và 5,5 % lượng hồ sơ đăng ký khai sinh năm 2017 trên toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm.

2.3.2. Nội dung đăng ký khai sinh

2.3.2.1. Xác định họ cho con

Bảng 2.4: Kết quả xác định họ cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn

Năm	Thẩm quyền	Xác định họ cho con			
		Tổng số	Theo họ của cha	Theo họ của mẹ	Cha, mẹ trùng họ
2016	Ủy ban nhân dân huyện	22	16	02	04
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5776	4882	349	545
2017	Ủy ban nhân dân huyện	07	05	01	01
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5628	4634	456	538
		11433	9537	808	1088

Nguồn: Báo cáo Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn.

Qua bảng số liệu trên cho ta thấy tỷ lệ xác định họ cho con theo họ của người cha chiếm tỷ lệ khá cao 9537 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 83,41 %*), xác định họ cho con theo họ của người mẹ 808 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 7%*). Tuy quy định pháp luật về đăng ký khai sinh có quy định xác định họ cho con theo họ của người cha hoặc họ của người mẹ, thực tiễn cho thấy yếu tố truyền thống của người Việt Nam từ xưa đến nay, con cái thường mang họ người cha còn ảnh hưởng rất lớn.

2.3.2.2. Xác định dân tộc cho con

Bảng 2.5: Kết quả xác định dân tộc cho con khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn

Năm	Thẩm quyền	Xác định dân tộc cho con			
		Tổng số	Theo dân tộc của cha	Theo dân tộc của mẹ	Cha, mẹ trùng dân tộc
2016	Ủy ban nhân dân huyện	22	12	06	04
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5776	3134	388	2254
2017	Ủy ban nhân dân huyện	07	03	02	02
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5628	3189	496	1943
		11433	6338	892	4203

Nguồn: Báo cáo Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn.

Qua bảng số liệu ta thấy tỷ lệ xác định dân tộc cho con trên địa bàn huyện theo dân tộc của người cha chiếm tỷ lệ cao 6338 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 55,43 %*), xác định dân tộc cho con theo dân tộc của người mẹ 892 (*chiếm tỷ lệ 7,8 %*). Tương tự việc xác định họ cho con, việc xác định dân tộc cho con tuy quy định pháp luật về đăng ký khai sinh có quy định xác định dân tộc cho con theo dân tộc cha hoặc dân tộc của người mẹ, thực tiễn cho thấy yếu tố truyền thống của người Việt Nam từ xưa đến nay, con cái thường mang dân tộc của người cha còn ảnh hưởng rất lớn.

2.3.2.3. Xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em bị bỏ rơi, trẻ em chưa xác định được cha mẹ đẻ

Bảng 2.6: Kết quả xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em bị bỏ rơi khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn

Năm	Thẩm quyền	Tổng số	Xác định họ tên, dân tộc và quê quán	
			Theo người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng	Theo người tạm thời nuôi dưỡng
2016	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	12	09	03
2017	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	11	11	00
		23	20	03

Nguồn: Báo cáo Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn.

Qua bảng số liệu ta thấy phần lớn trường hợp trẻ em bị bỏ rơi được cơ quan có thẩm quyền huyện Hóc Môn giao cho các cơ sở nuôi dưỡng và thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ, việc xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em trong trường hợp này được xác định theo họ tên, dân tộc và quê quán của người đứng đầu cơ sở nuôi dưỡng là 20 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 86,95 %*).

Bảng 2.7: Kết quả xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ đẻ khi thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn

Năm	Thẩm quyền	Tổng số	Xác định họ tên, dân tộc và quê quán	
			Theo cha	Theo mẹ
2016	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	114	03	111
2017	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	147	25	122
		261	28	233

Nguồn: Báo cáo Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn.

Qua bảng số liệu ta thấy trong tổng số 261 trường hợp xác định họ tên, dân tộc, quê quán cho trẻ em chưa xác định được cha, mẹ đẻ khi thực hiện đăng ký khai sinh có 233 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 89,27 %*) trẻ em xác định họ tên, dân tộc, quê quán của người mẹ, đồng nghĩa với việc 233 trường hợp này trẻ sinh ra chưa được người cha nhìn nhận.

2.3.3. Trách nhiệm đăng ký khai sinh và thủ tục đăng ký khai sinh

2.3.3.1. Trách nhiệm đăng ký khai sinh

Bảng 2.8: Trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn

Năm	Thẩm quyền	Trách nhiệm đăng ký khai sinh		
		Tổng số	Đối với nhóm thứ nhất (cha, mẹ, người thân thích khác...)	Đối với nhóm thứ hai (công chức làm công tác hộ tịch)
2016	Ủy ban nhân dân huyện	22	22	00
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5776	5776	00
2017	Ủy ban nhân dân huyện	07	07	00
	Ủy ban nhân dân 12 xã – thị trấn	5628	5628	00
		11433	11433	00

Nguồn: Báo cáo Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn.

Qua bảng số liệu cho thấy 11433 trường hợp (*chiếm tỷ lệ 100%*) đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn được cha, mẹ, người thân thích thực hiện đăng ký khai sinh, cho thấy trách nhiệm thực hiện đăng ký khai sinh cho trẻ được quan tâm, thực hiện đảm bảo.

2.3.3.2. Thủ tục đăng ký khai sinh

- Thực trạng thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cấp xã

Người đi đăng ký khai sinh nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy chứng sinh cho Ủy ban nhân dân xã – thị trấn tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả. Trường hợp không có giấy chứng sinh thì nộp văn bản của người làm chứng xác nhận về việc sinh; nếu không có người làm chứng thì phải có giấy cam đoan về việc sinh; trường hợp khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi phải có biên bản xác nhận việc trẻ bị bỏ rơi do Ủy ban nhân dân hoặc Công an cấp xã nơi phát hiện trẻ bỏ rơi lập; trường

hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật.

Đồng thời người đi đăng ký khai sinh phải xuất trình các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ *em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn)*; giấy tờ tùy thân (*gồm: hộ chiếu, chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng*); giấy tờ chứng minh nơi cư trú của cha hoặc của mẹ.

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ nêu trên, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức tư pháp - hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch; cập nhật vào Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để lấy Số định danh cá nhân.

Công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

- *Thực trạng thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh cấp huyện*

Người đi đăng ký khai sinh phải nộp và xuất trình các loại giấy tờ giống nội dung đăng ký khai sinh cấp xã. Trường hợp cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ là người nước ngoài thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc chọn quốc tịch cho con.

Trường hợp cha, mẹ chọn quốc tịch nước ngoài cho con thì văn bản thỏa thuận phải có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó là công dân.

Ngay sau khi nhận đủ giấy tờ theo quy định, nếu thấy thông tin khai sinh đầy đủ và phù hợp, công chức làm công tác hộ tịch ghi nội dung khai sinh vào Sổ hộ tịch; trường hợp trẻ em có quốc tịch nước ngoài thì không ghi nội dung Sổ định danh cá nhân.

Công chức làm công tác hộ tịch, người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào Sổ hộ tịch. Phòng Tư pháp báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy khai sinh cho người được đăng ký khai sinh.

- *Nhận xét, đánh giá về thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh*

Đối với các giấy tờ xuất trình: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ “...*Trường hợp pháp luật quy định giấy tờ xuất trình thì người tiếp nhận hồ sơ không được yêu cầu nộp thêm bản sao hoặc bản chụp của giấy tờ xuất trình*” [8]. Đây là quy định mang tính cải cách hành chính rất cao, nhằm giảm thành phần hồ sơ phải nộp cho người yêu cầu đăng ký khai sinh. Tuy nhiên trên thực tế hiện nay để muốn chứng minh về thẩm quyền, các yêu cầu pháp lý thông tin về cha, mẹ hoặc thông tin của các giấy tờ tùy thân của cha, mẹ cán bộ tư pháp đều yêu cầu người đăng ký khai sinh cung cấp các loại giấy tờ xuất trình để lưu hồ sơ, đây cũng là cơ sở để chứng minh với đoàn kiểm tra, thanh tra khi có thực hiện hoạt động thanh tra, kiểm tra.

Việc xác định họ, tên cho trẻ đăng ký khai sinh: Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14 Luật Hộ tịch thì nội dung khai sinh gồm: Thông tin của người được đăng ký khai sinh (*họ, chữ đệm và tên; giới tính; ngày, tháng, năm sinh; nơi sinh; quê quán; dân tộc; quốc tịch*); thông tin của cha, mẹ người được đăng ký khai sinh (*họ, chữ đệm và tên; năm sinh; dân tộc; quốc tịch; nơi cư trú*); số định danh cá nhân [16]. Liên quan đến việc xác định họ, tên cho con theo Điểm a, Khoản 1, Điều 4 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định: “*Họ, chữ đệm, tên và dân tộc của trẻ em được xác định theo thỏa thuận của cha, mẹ theo quy định của pháp luật dân sự và được thể hiện trong tờ khai đăng ký khai sinh; trường hợp cha, mẹ không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được, thì xác định theo tập quán*” [8].

Về việc đặt tên theo Khoản 3, Điều 26 Bộ Luật Dân sự đã quy định: “*Việc đặt tên bị hạn chế trong trường hợp xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác hoặc trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự*” [15]. Tên của công dân Việt Nam phải bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam; không đặt tên bằng số, bằng một ký tự mà không phải là chữ.

Như vậy, trường hợp trẻ em có một bên cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam, bên còn lại là người nước ngoài, nếu cha mẹ thỏa thuận lựa chọn quốc tịch Việt

Nam cho con thì khi đăng ký khai sinh, tên của trẻ cũng phải là tên gọi Việt Nam, theo đúng trật tự, “tên” là từ cuối cùng trong chuỗi “họ, chữ đệm, tên”, nên các trường hợp đặt tên theo tiếng nước ngoài như: Nguyễn Dean, Trần John, Lê Maika... là trái nguyên tắc đặt tên nêu trên. Tuy nhiên, việc xác định thế nào là tên bằng “tiếng Việt” hoặc tiếng dân tộc khác của Việt Nam thì chưa có quy định hướng dẫn, chủ yếu hiện nay vẫn xác định theo cách phát âm nên việc áp dụng chưa bảo đảm thống nhất, khó khăn cho cả công chức làm công tác hộ tịch và người dân.

Bên cạnh những vướng mắc mà cơ quan đăng ký khai sinh gặp phải khi giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh cho trẻ em, thì việc xác định thông tin khi thực hiện việc đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ giấy tờ cá nhân, đăng ký lại khai sinh (*trong trường hợp không còn bản sao giấy khai sinh được cấp hợp lệ trước đây*) cũng gặp không ít khó khăn; việc đăng ký khai sinh trong trường hợp này hoàn toàn dựa trên cơ sở hồ sơ, giấy tờ, tài liệu có các thông tin liên quan đến nội dung khai sinh do người có yêu cầu đăng ký khai sinh cung cấp. Nếu như các giấy tờ mà người yêu cầu đăng ký lại khai sinh xuất trình có nội dung thống nhất về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng, năm sinh, dân tộc, quốc tịch... thì việc đăng ký lại khai sinh được giải quyết nhanh gọn, chính xác. Tuy nhiên, nhiều trường hợp hồ sơ, giấy tờ có thông tin khác nhau; trường hợp người yêu cầu xuất trình được giấy khai sinh được cấp từ thời kỳ Pháp thuộc hoặc thời kỳ chính quyền ngụy Sài Gòn nhưng nội dung khai sinh không đầy đủ; trường hợp người yêu cầu đăng ký khai sinh là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài hoặc công dân Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam và nhập quốc tịch nước ngoài, đã được thay đổi chữ đệm, tên thì nhiều công chức làm công tác hộ tịch cho rằng chưa có quy định nguyên tắc giải quyết nên lúng túng trong việc xác định nội dung khai sinh, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết yêu cầu đăng ký khai sinh [9].

Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân thực hiện quyền đăng ký hộ tịch, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định cho phép kết hợp thủ tục nhận cha, mẹ,

con và đăng ký khai sinh. Tuy nhiên, hiện tại có tình trạng nhiều phụ nữ Việt Nam kết hôn với người nước ngoài nhưng cuộc sống chung không hạnh phúc nên bỏ về Việt Nam, cũng có trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cho phép sang nước ngoài định cư nên hôn nhân không duy trì được, thực tế quan hệ vợ chồng đã chấm dứt nhưng chưa làm thủ tục ly hôn mà đã lại có quan hệ chung sống với người đàn ông khác và sinh con. Do con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân vẫn còn tồn tại, nên theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, phải được xác định là con chung của hai vợ chồng (*mặc dù người chồng không phải là người cha trên thực tế của đứa trẻ*), người mẹ có yêu cầu đăng ký việc nhận cha (*người cha trên thực tế*) của trẻ em kết hợp với thủ tục đăng ký khai sinh để khai sinh theo đúng thông tin về cha mẹ hoặc đăng ký khai sinh theo diện con chưa xác định được cha thì cơ quan đăng ký khai sinh không giải quyết được. Do Khoản 2, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định”*; Khoản 1, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng quy định: *“Người không được nhận là cha, mẹ của một người có thể yêu cầu Tòa án xác định người đó là con mình”*, nên yêu cầu xác định cha cho con của người mẹ trong trường hợp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân, không thuộc thẩm quyền của cơ quan đăng ký khai sinh. Nhưng thực tế, đa phần người dân phản ánh Tòa án có thẩm quyền không thụ lý giải quyết hoặc có tiếp nhận nhưng sau đó đình chỉ việc giải quyết vì cho rằng không có “tranh chấp”, dẫn đến việc trẻ em không được đăng ký khai sinh kịp thời hoặc đăng ký khai sinh nhưng với thông tin về người cha không đúng thực tế, vì vậy, cần thiết phải có quy định hướng dẫn xác định thẩm quyền giải quyết để bảo đảm quyền lợi của trẻ em [9].

Cấp trích lục bản sao khai sinh: Theo quy định tại Khoản 5, Điều 3 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ *“ bản sao giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hộ tịch là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc chứng thực từ bản chính theo quy định của pháp luật..”* [8]. Tuy nhiên, qua thực tế kiểm tra hồ sơ hộ tịch vẫn có tình trạng một số công chức tư pháp – hộ tịch không thực hiện đúng việc cấp bản sao từ sổ gốc, tự

ý thêm một số thông tin như: “dân tộc”, “quốc tịch”, việc thực hiện như vậy là không đúng quy định của Luật Hộ tịch, cần phải cấp đúng theo sổ gốc, các thông tin không có thông tin trong sổ phải thực hiện thủ tục bổ sung theo quy định.

Về việc ghi sổ hộ tịch: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 16 Luật Hộ tịch quy định về thủ tục đăng ký khai sinh, việc ghi sổ hộ tịch phải thực hiện ngày, công chức tư pháp - hộ tịch và người đi đăng ký khai sinh cùng ký tên vào sổ hộ tịch. Tuy nhiên, hiện nay việc ghi sổ hộ tại một số xã vẫn chưa thực hiện theo đúng quy định, vẫn còn tình trạng người dân ký sổ trước, công chức hộ tịch ghi thông tin sau, số lượng hồ sơ dồn ngày càng nhiều ảnh hưởng đến thời gian khóa sổ hộ tịch, nội dung ghi không chính xác, lộn thông tin. Theo quy định Điều 26, Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ Tư pháp quy định về sửa chữa sai sót khi ghi sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch *“khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót trong việc ghi nội dung vào sổ hộ tịch, công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa...”*[4], việc áp dụng quy định nay trên thực tế vẫn chưa được công chức tư pháp – hộ tịch thực hiện nghiêm túc, ghi sổ vẫn còn tẩy xóa nhiều, sửa chữa sai sót không đúng quy định như: viết đè lên chữ cũ, viết đè lên chỗ đã tẩy xóa, việc sửa chữa không ghi chú vào sổ hộ tịch không báo cáo người có thẩm quyền.

Như vậy, những hạn chế cơ bản trong việc thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh là: việc áp dụng quy định về các giấy tờ xuất trình khi thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh; việc áp dụng quy định về đặt tên cho con khi có cha, mẹ có mang yếu tố nước ngoài; tình trạng một số công chức tư pháp – hộ tịch không thực hiện đúng quy định về cấp bản sao từ sổ gốc; việc ghi sổ hộ tịch, sửa chữa sai sót khi ghi sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch thực hiện chưa đúng quy định.

2.4. Những hạn chế chung và nguyên nhân

2.4.1. Những hạn chế

Tính đến nay, qua gần 03 năm triển khai thi hành Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành, công tác quản lý hộ tịch và đăng ký khai trên địa bàn

huyện Hóc Môn đã đạt được những kết quả quan trọng như: Đã triển khai thí điểm phần mềm đăng ký khai sinh điện tử có kết nối với hệ thống cấp số định danh cá nhân để cấp số định danh cá nhân cho trẻ em ngay khi được đăng ký khai sinh; thực hiện tốt quy định cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan đăng ký khai sinh cho mình không phụ thuộc vào nơi đăng ký hộ khẩu thường trú như trước đây, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân trong việc lựa chọn cơ quan đăng ký sự kiện hộ tịch của mình; hệ thống cơ quan quản lý, đăng ký hộ tịch, đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch từ huyện đến xã – thị trấn được củng cố, kiện toàn, có kế hoạch đào tạo bảo đảm tiêu chuẩn chuyên môn luật, công chức làm công tác hộ tịch được bồi dưỡng, cấp chứng chỉ theo chương trình bồi dưỡng chính thức đã được Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt; yêu cầu đăng ký khai sinh của người dân cơ bản được giải quyết kịp thời; trình tự, thủ tục đăng ký khai sinh được cải cách mạnh mẽ, đơn giản hóa và cắt giảm nhiều giấy tờ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho người dân; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký khai sinh đã được quan tâm triển khai tại địa phương, cơ sở dữ liệu hộ tịch được hình thành với hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử kết hợp với sổ đăng ký hộ tịch được lưu trữ, thống kê thường xuyên.

Có thể thấy, Luật Hộ tịch và các văn bản quy định chi tiết thi hành đã thực sự đi vào cuộc sống xã hội, ngày càng khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng đối với việc đăng ký, quản lý hộ tịch, sự kiện hộ tịch của cá nhân được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác, bảo đảm ngày một tốt hơn quyền, nghĩa vụ của cá nhân, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và xã hội. Bên cạnh những mặt đạt được kể trên, thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch trên địa bàn huyện Hóc Môn vẫn còn những hạn chế nhất định:

Thứ nhất, vẫn còn tình trạng vi phạm pháp luật quản lý về hộ tịch, đó là thực hiện đăng ký, cấp giấy tờ hộ tịch cho công dân, chưa đảm bảo độ chính xác khi cấp giấy tờ hộ tịch như: cấp bản sao giấy tờ hộ tịch không căn cứ vào sổ gốc; dễ dãi trong việc cấp giấy tờ hộ tịch nhất là Giấy khai sinh: có trường hợp nội dung trong bản sao Giấy khai sinh khác với nội dung trong bản chính và khác với nội dung

trong sổ gốc, sự sai sót này đã để lại nhiều hệ lụy phức tạp và ảnh hưởng đến quyền lợi của người dân; khi đăng ký hộ tịch chỉ cấp giấy tờ hộ tịch cho người đi đăng ký mà không ghi ngay vào sổ hộ tịch, sổ hộ tịch bị tẩy xóa nội dung, việc sửa chữa sai sót không thực hiện theo đúng quy định (*không ghi ngày, tháng, năm sửa, không ghi tên người sửa và không đóng dấu vào nội dung sửa...*); sổ hộ tịch không ghi chú những sự kiện đặc biệt (*đăng ký quá hạn, đăng ký lại...*)

Thứ hai, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh đối với người dân trên địa bàn huyện còn hạn chế. Việc tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về hộ tịch đến người dân tuy đã được thực hiện khá tốt trên địa bàn huyện nhưng cũng còn một số hạn chế, vẫn còn tình trạng người dân chưa nhận biết được quyền và nghĩa vụ của mình trong vấn đề hộ tịch, nhiều người dân chỉ đến khi có con đi học hoặc phát sinh những việc khác đòi hỏi phải có giấy tờ hộ tịch mới đi đăng ký và phải chứng minh các sự kiện hộ tịch là có thật, số liệu đăng ký khai sinh quá hạn vẫn chiếm tỷ lệ đáng kể.

2.4.2. Những nguyên nhân của hạn chế

Những hạn chế trong quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh không chỉ xuất phát từ các nguyên nhân khách quan mà còn bao gồm những nguyên nhân chủ quan.

Thứ nhất, nguyên nhân khách quan

Một là, tình hình kinh tế xã hội trên địa bàn huyện vẫn còn những hạn chế ảnh hưởng tới quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh. Mặc dù nền kinh tế cũng có sự tăng trưởng, nhưng nhìn chung điều kiện sống của người dân còn chưa đồng đều.

Hai là, cơ sở vật chất, kinh phí trang bị cho hệ thống cơ quan đăng ký hộ tịch còn những hạn chế cần khắc phục. Có sự không đồng đều về điều kiện vật chất ở các xã – thị trấn khác nhau.

Ba là, pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh còn chưa hoàn chỉnh, chưa đồng bộ, thiếu văn bản hướng dẫn, dẫn tới pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh hiệu quả chưa cao.

Thứ hai, nguyên nhân chủ quan

Một là, công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với đội ngũ công chức chuyên trách ở một số cơ quan tham gia tổ chức thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch còn chưa kịp thời, vẫn còn tình trạng thiếu quan tâm chỉ đạo kiểm tra. Một số công chức chưa thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong công việc, chưa có ý thức thượng tôn pháp luật, tôn trọng công vụ và chưa coi việc học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ là nghĩa vụ bắt buộc.

Hai là, công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch còn chưa đạt được yêu cầu đặt ra.

Tóm lại, các nguyên nhân khách quan, chủ quan nêu trên được thể hiện trên nhiều phương diện đã trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn tới những hạn chế của thực trạng. Việc làm rõ các nguyên nhân này là rất quan trọng để tìm ra các giải pháp phù hợp nhằm bảo đảm cho pháp luật quản lý về hộ tịch trên địa bàn huyện Hóc Môn nói riêng, trong cả nước nói chung.

Tiểu kết chương 2

Pháp luật quản lý về hộ tịch ở Việt Nam được ra đời từ rất sớm, trải qua thời gian dài phát triển, pháp luật quản lý về hộ tịch đã tiến đến sự hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn khách quan. Hiến pháp năm 2013 ra đời với nhiều quy định mới đề cao quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, đồng thời tạo sự chuyển biến mạnh mẽ công tác quản lý hộ tịch theo hướng từng bước chuyên nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, việc ban hành Luật Hộ tịch đánh dấu bước phát triển vượt bậc của pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh.

Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh là một huyện ngoại thành với mật độ dân cư đông nên việc quản lý về hộ tịch trên địa bàn có những đặc thù riêng. Thời gian qua được sự quan tâm chỉ đạo và tạo điều kiện của Huyện ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện về pháp luật quản lý về hộ tịch nói chung và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt

những thành tựu nhất định về công tác đăng ký khai sinh; về tuyên truyền phổ biến pháp luật quản lý về hộ tịch, đăng ký khai sinh; về kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về hộ tịch. Tuy nhiên, bên cạnh đó pháp luật quản lý về hộ tịch trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn những hạn chế nhất định do nhiều nguyên nhân khác nhau.

Để khắc phục những hạn chế đó, các cơ quan có thẩm quyền cần có những giải pháp hữu hiệu để bảo đảm pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

Chương 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HỌC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn địa bàn huyện Học Môn, thành phố Hồ Chí Minh

Hiện nay đất nước ta đang bước vào một giai đoạn phát triển với những tiềm năng, sức sống đầy triển vọng trên mọi mặt kinh tế, xã hội. Trong bối cảnh chung ấy, việc xác định quan điểm và những giải pháp cụ thể nhằm hiện thực hóa các quy định pháp luật về hộ tịch và đăng ký khai sinh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được đặt trên nền tảng hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tư duy đổi mới và phát triển trong giai đoạn hiện nay. Việc đổi mới quản lý hộ tịch và đăng ký khai sinh cần quán triệt sâu sắc quan điểm *“phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh”* [10].

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, công tác thực hiện pháp luật về quản lý hộ tịch, trong đó có đăng ký khai sinh phải được phát huy hiệu quả tương xứng với vị trí, vai trò quan trọng của nó trong hoạt động quản lý con người. Để làm được điều đó, pháp luật quản lý về hộ tịch, đăng ký khai sinh cần phải được thực hiện một cách nghiêm túc và triệt để trên nền tảng những quan điểm chỉ đạo sau:

3.1.1. Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật về đăng ký khai sinh

Lịch sử hình thành và phát triển chế độ Nhà nước gắn liền với sự kiếm tìm những thước đo tối ưu tạo mối liên hệ giữa quyền lực với cá nhân. Mối liên hệ đó luôn luôn là vấn đề cơ bản, vấn đề quyết định trong mọi hình thái Nhà nước. Trong thời kỳ sơ khai của chế độ Nhà nước, phụ thuộc vào nguồn gốc xuất thân, con người hoặc là nhận được khả năng tác động lên quyền lực, hoặc là trở thành cá thể không

có quyền gì mà chỉ mang gánh nặng nghĩa vụ. Sự bất bình đẳng về mặt pháp lý của cá nhân là sự biểu hiện hạn chế tự do, sự thiếu vắng dân chủ và cuối cùng là chế độ Nhà nước lạc hậu, trình độ văn hoá xã hội thấp kém. Sự thiết lập bình đẳng pháp lý về hình thức là bước ngoặt lịch sử quan trọng tiến tới tự do, tôn trọng quyền con người, mở ra thời đại mới của sự phát triển chế độ Nhà nước - Nhà nước pháp quyền.

Sợi chỉ đỏ xuyên suốt tư tưởng về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân cũng như mục tiêu cao nhất về tổ chức và hoạt động của Nhà nước ta hiện nay là tất cả vì con người, cho con người, đề cao quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc, quan hệ giữa nhà nước với công dân là quan hệ bình đẳng về quyền và nghĩa vụ và về trách nhiệm pháp lý khi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của nhau. Trong bất kỳ xã hội nào cũng cần phải tìm cho được một sự kết hợp cần thiết giữa các loại lợi ích xã hội. Ở quốc gia nào thì pháp luật cũng luôn là đại lượng chung nhất, có tính bắt buộc chung cho cả xã hội.

Một trong những đặc trưng, thuộc tính cơ bản của Nhà nước pháp quyền là sự thượng tôn pháp luật, và pháp luật đó có mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích của con người. Trong Nhà nước pháp quyền, giữa Nhà nước và cá nhân có mối quan hệ gắn bó tương hỗ. Nhà nước có nghĩa vụ bảo đảm các quyền và tự do của cá nhân, đồng thời cá nhân phải thực hiện nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, với xã hội và với các cá nhân khác. Cá nhân và những quyền nhân thân của họ là những đối tượng thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được bảo vệ trước mọi xâm hại.

Quản lý xã hội bằng pháp luật là yêu cầu tất yếu khách quan trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Nâng cao dân trí, hiểu biết pháp luật và hành vi xử sự theo pháp luật của các đối tượng trong xã hội là yêu cầu quan trọng của Nhà nước. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đòi hỏi việc thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh phải được tăng cường thường xuyên, liên tục và ở tầm cao hơn, cần thiết phải được tiến hành toàn diện đối với mọi đối tượng trong xã hội

nhằm xây dựng môi trường trong đó mọi người đều hiểu biết và tôn trọng, thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Muốn hệ thống pháp luật hoàn thiện và có hiệu lực trên thực tế, tạo lập mối quan hệ hài hoà giữa Nhà nước và công dân, các quyền tự do, dân chủ được bảo đảm, bộ máy nhà nước được tổ chức và vận hành một cách có hiệu quả, thì điều kiện tiên quyết là phải có sự hiện diện của pháp luật ở mọi nơi, văn hoá pháp lý của đội ngũ công chức và nhân dân phải cao. Tuy nhiên, đây là một vấn đề hết sức phức tạp, để đáp ứng được các điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì pháp luật về quản lý hộ tịch phải không ngừng được hoàn thiện, không ngừng được đổi mới. Với mục tiêu đó, yêu cầu chung đặt ra đối với việc thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch và đăng ký khai sinh trong thời gian tới phải được tiến hành thường xuyên, liên tục và kịp thời, đầy đủ những nội dung pháp luật về quản lý hộ tịch có liên quan; chú trọng xây dựng các quy định pháp luật cụ thể để nâng cao tính hướng dẫn thực hiện. Đồng thời, việc thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch phải đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, thể hiện sự tôn trọng và quyết tâm thực hiện các cam kết quốc tế Việt Nam đã ký kết khi gia nhập WTO trong việc công khai, minh bạch các chủ trương, chính sách của Nhà nước để các cơ quan hành chính nhà nước, các tổ chức, cá nhân đều có quyền và được tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận thông tin về chính sách, pháp luật.

3.1.2. Thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh phải đề cao quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân

Xã hội văn minh ngày càng đề cao quyền con người, nó vừa động lực và vừa là mục tiêu của phát triển. Vì vậy, quyền con người, quyền công dân, là vấn đề quan trọng, là nội dung cơ bản của bất kỳ một bản Hiến pháp nào trên thế giới.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 2013 ra đời đã phản ánh được ý chí, nguyện vọng của đông đảo các tầng lớp nhân dân; thể hiện rõ và đầy đủ hơn bản chất dân chủ, tiến bộ của Nhà nước và chế độ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đã thể chế hóa đầy đủ hơn, sâu sắc hơn quan điểm của Đảng và Nhà nước về đề cao chủ quyền nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và đảm bảo tất cả quyền lực

Nhà nước thuộc về nhân dân. Mặt khác, đề cao nhân tố con người, coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển.

Quyền con người, quyền công dân là giá trị cốt lõi của nhân loại, phải được bảo đảm ngày một tốt hơn, đây là tiêu chí cho cuộc chạy đua của tất cả các dân tộc, các chế độ xã hội. Và mục đích tối thượng của Hiến pháp là được sinh ra để đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Hiến định quyền con người trong Hiến pháp 2013 là sự tiếp nối logic và tạo nền tảng pháp lý cao nhất để bảo đảm quyền con người được hiện thực hóa đầy đủ trong thực tiễn như là nội dung, mục tiêu và động lực mới cho phát triển. Một điểm rất mới trong Hiến pháp 2013 là đã không còn các quy định theo cách thức được Nhà nước thừa nhận các quyền con người, mà quyền con người ở đây được hưởng một cách mặc nhiên và Nhà nước phải có trách nhiệm đảm bảo cũng như phải bảo vệ cho những quyền đó được thực hiện trên thực tế.

Luật Hộ tịch là đạo luật quan trọng liên quan đến việc bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đây là lần đầu tiên Việt Nam có văn bản ở tầm Luật để điều chỉnh riêng về lĩnh vực hộ tịch, đăng ký khai sinh sau nhiều năm điều chỉnh bằng các Nghị định của Chính phủ. So với quy định pháp luật hộ tịch hiện hành, Luật Hộ tịch có nhiều nội dung mới mang tính đột phá, cải cách mạnh mẽ công tác đăng ký khai sinh, quản lý hộ tịch nói riêng và quản lý dân cư nói chung. Có thể coi đây là cuộc “cách mạng” trong công tác đăng ký khai sinh, quản lý hộ tịch nói riêng và quản lý dân cư nói chung, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ công tác này theo hướng từng bước chuyên nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Quyền được khai sinh được quy định tại Điều 30 của Bộ Luật Dân sự: “*cá nhân từ khi sinh ra có quyền được khai sinh*” [15]. Điều 13 của Luật Trẻ em cũng quy định: “*Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật*” [18]. Đồng thời, tại Điều 6 Luật Hộ tịch tiếp tục khẳng định: “*Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch*” [16].

Pháp luật về đăng ký khai sinh, quản lý về hộ tịch ở nước ta hiện nay đã mở rộng dân chủ và tính công khai trong hoạt động quản lý nhà nước. Loại bỏ những thủ tục hành chính gây phiền hà cho người dân, đoạn tuyệt triệt để với những tàn dư của căn bệnh quan liêu, cửa quyền trong giải quyết các vấn đề hộ tịch của người dân; xây dựng các thủ tục hành chính mới theo hướng công khai, đơn giản và thuận tiện cho dân. Thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch còn có ý nghĩa nhân văn sâu sắc ở chỗ, nó tạo cho mọi người dân những cơ hội ngang nhau trong việc thụ hưởng tốt nhất dịch vụ đăng ký khai sinh trong một nền hành chính phục vụ.

Pháp luật quản lý về hộ tịch không chỉ thiết lập các nguyên tắc cơ bản của hoạt động quản lý hộ tịch, đăng ký khai sinh mà còn ấn định những cách thức, thủ tục để các cơ quan hành chính phục vụ quyền đăng ký khai sinh của người dân, sẽ là biểu hiện cao độ của việc chăm lo chu đáo đến quyền lợi của người dân, sẽ loại trừ được những những nhiễu mang tính ban phát, tiêu cực trong đăng ký hộ tịch.

3.1.3. Thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh phải bảo đảm phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan

Đăng ký khai sinh là chức năng quan trọng của Nhà nước và được phối hợp thực hiện bởi nhiều cơ quan khác nhau. Thông qua hoạt động quản lý đăng ký khai sinh có thể đánh giá việc thực hiện chức năng xã hội và bản chất dân chủ của nhà nước. Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến khi chết. Vì vậy, công tác quản lý về hộ khẩu, hộ tịch, đăng ký khai sinh có mối quan hệ mật thiết với quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực của các ngành khác như: quản lý dự liệu dân cư, quản dân số - kế hoạch hóa gia đình, các văn bằng, chứng chỉ, hồ sơ cán bộ công chức và bảo hiểm xã hội... Thực hiện tốt công tác quản lý và đăng ký khai sinh giúp xác định các thông tin về nhân thân của một con người; đồng thời giúp cho cơ quan chức năng phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý kịp thời những cá nhân cố tình chỉnh sửa các giấy tờ hộ khẩu, khai sinh để trốn tránh nghĩa vụ hoặc trốn tránh xử lý của pháp luật...

Những vấn đề về hộ tịch, đăng ký khai sinh được xếp vào các lĩnh vực khác nhau, cái thì thuộc nhóm lĩnh vực về quyền con người, cái thì thuộc lĩnh vực xã hội,

cái thì thuộc lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Do cách sắp xếp như vậy nên Chính phủ cũng phân công các cơ quan khác nhau chủ trì xây dựng dự án: Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Y tế, đồng thời Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng phân công các cơ quan chủ trì thẩm tra khác nhau: Ủy ban Pháp luật, Ủy ban Quốc phòng - An ninh, Ủy ban về các vấn đề xã hội.

Hiện nay, việc thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh đặt trong mối quan hệ mật thiết với nhiều văn bản pháp luật khác nhau đòi hỏi sự đồng bộ, thống nhất cao. Có thể kể đến đó là: Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc tịch, Luật Nuôi con nuôi, Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ Luật Dân sự, Luật Căn cước công dân.

3.2. Giải pháp thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh ở huyện Hóc Môn

3.2.1. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phù hợp với pháp luật về đăng ký khai sinh và các văn bản hướng dẫn

Sự ra đời của Luật Hộ tịch, Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch đánh dấu bước phát triển mới trong lịch sử phát triển của pháp luật về đăng ký khai sinh ở nước ta. Đến nay, để pháp luật quản lý về hộ tịch, đăng ký khai sinh thực sự đi vào thực tiễn cuộc sống.

Về thủ tục đăng ký khai sinh: Theo quy định tại Luật Hộ tịch, thủ tục đăng ký hộ tịch được đơn giản, tạo nhiều thuận lợi cho người dân như: Giảm nhiều giấy tờ không cần thiết, tăng cường xuất trình bản chính giấy tờ, hạn chế tối đa việc sao chụp; giảm thời hạn giải quyết, Luật quy định đăng ký khai sinh được giải quyết ngay trong ngày, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo; người dân có thể lựa chọn cơ quan đăng ký khai sinh mà không phụ thuộc vào nơi cư trú như trước đây: Có thể lựa chọn đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền nơi thường trú, tạm trú hoặc nơi

đang sinh sống, không nhất thiết phải theo thứ tự ưu tiên nơi đăng ký thường trú. Bên cạnh đó, Luật cũng cho phép được lựa chọn đăng ký khai sinh tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của cha hoặc mẹ thay vì quy định ưu tiên nơi cư trú của mẹ như trước; việc nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch có thể lựa chọn nộp trực tiếp cho cơ quan đăng ký hộ tịch hoặc gửi qua bưu chính hoặc qua hệ thống đăng ký trực tuyến. Khi Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử được hoàn thành và liên thông với nhau thì việc giải quyết các vấn đề đăng ký khai sinh qua hệ thống đăng ký hộ tịch trực tuyến sẽ bảo đảm nhanh chóng, gọn nhẹ và giảm thiểu chi phí, thời gian trong thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh.

Tuy nhiên, những quy định của Luật Hộ tịch về thủ tục đăng ký khai sinh cũng sẽ nảy sinh một số vấn đề:

- Việc quy định được lựa chọn nơi đăng ký hộ tịch tạo ra áp lực không nhỏ đối với cơ quan hộ tịch ở những địa phương mà có nhiều người tạm trú, người đang sinh sống không có hộ khẩu thường trú. Đây là điều mà Ủy ban nhân dân cấp xã nhiều địa phương đang rất lo lắng. Theo đó, không những lượng công việc sẽ tăng lên đáng kể, mà độ phức tạp của công việc cũng vì thế mà tăng theo. Những người không có hộ khẩu thường trú sẽ dễ thường xuyên biến động, gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như thực hiện việc đăng ký khai sinh.

- Với tình trạng cán bộ và lượng công việc như hiện nay, thì quy định giảm thời hạn giải quyết đăng ký hộ tịch sẽ khó tránh khỏi việc trễ hẹn, tạo sự bức xúc cho người dân. Quy định rút ngắn thời hạn là quy định tích cực, mang tính cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, nhưng cùng với đó thì chúng ta cũng cần phải giải quyết phù hợp về số lượng, về khoản bồi dưỡng cho cán bộ để khuyến khích họ tâm huyết, nhiệt tình giải quyết tốt công việc.

- Việc quy định yêu cầu người đi đăng ký khai sinh ký tên vào Sổ hộ tịch trong trường hợp nộp hồ sơ qua bưu chính, hệ thống trực tuyến mà không trực tiếp đi đăng ký cũng gây lúng túng cho cơ quan, cán bộ hộ tịch nếu không có hướng dẫn cụ thể.

- Bộ Tư pháp cần phối hợp các Bộ, ngành có liên quan và Chính phủ sớm ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thi hành, trong đó có quy định liên quan đến hộ tịch của Bộ Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình như: giải quyết yêu cầu xác định cha, mẹ, con đối với trẻ em sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nhưng không phải con chung của vợ chồng; cách xác định quê quán, tên gọi, nguyên tắc đặt tên; xác định thành phần dân tộc; áp dụng tập quán trong việc xác định họ, tên, dân tộc của đồng bào dân tộc thiểu số.

3.2.2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt pháp luật về đăng ký khai sinh với nội dung và hình thức phù hợp, nâng cao nhận thức, hiểu biết của nhân dân

Công tác đăng ký khai sinh và quản lý hộ khẩu, hộ tịch không những liên quan đến nhân thân của con người mà còn liên quan đến chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, cơ cấu, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của cơ quan Nhà nước, thể chế hóa mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Để pháp luật về đăng ký khai sinh và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan sau khi có hiệu lực được đi vào thực tiễn cuộc sống, cả hệ thống chính trị nói chung và với vai trò là cơ quan Thường trực Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật của huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã; công chức phụ trách hộ tịch từ cấp huyện đến cấp xã phải chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền cùng cấp tập trung chỉ đạo kịp thời công tác này trên địa bàn, với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú, đa dạng, gắn kết với việc tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đến nhân dân, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật, duy trì trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội.

Phương châm của các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác quản lý đăng ký khai sinh của Nhà nước là phải thuận tiện, dễ dàng cho nhân dân, đồng thời phải đảm bảo việc đăng ký đầy đủ, chính xác, kịp thời và đúng quy định của pháp luật. Do đó, để làm tốt công tác này, các cơ quan có thẩm quyền phải làm tốt công

tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đăng ký khai sinh cho nhân dân, giúp mọi người hiểu rõ việc đăng ký khai sinh là chấp hành pháp luật Nhà nước, đồng thời cũng bảo đảm quyền lợi công dân.

Các hình thức, biện pháp tuyên truyền được vận dụng linh hoạt, sáng tạo, chú trọng ứng dụng công nghệ hiện đại, sáng kiến hình thức tuyên truyền mới phù hợp. Tiếp tục sử dụng các hình thức tuyên truyền truyền thống như tuyên truyền miệng, tuyên truyền thông qua phương tiện thông tin đại chúng, thông qua tài liệu tuyên truyền: Đề cương giới thiệu, phổ biến các văn bản luật; Sách hỏi - đáp pháp luật; Tờ rơi, tờ gấp pháp luật; Đặc san tuyên truyền pháp luật; Các loại băng tiếng, băng hình với các nội dung pháp luật đơn giản, ngắn gọn và các cuộc nói chuyện về pháp luật và khéo léo kết hợp với các hình thức tuyên truyền khác như các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, các hình thức thi sân khấu hoá, lồng ghép trong các cuộc giao lưu văn hoá, văn nghệ, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý.

Hệ thống đài phát thanh hầu hết các phường đều có chương trình, chuyên mục phát thanh pháp luật. Bên cạnh đó, các hội thi "Hoà giải viên giỏi", "Tuyên truyền viên pháp luật giỏi", "Công chức Tư pháp - Hộ tịch giỏi"...cũng đã được nhân rộng trên địa bàn huyện. Huyện cần nâng cao hiệu quả tủ sách pháp luật và sự hoạt động của các câu lạc bộ pháp luật, trợ giúp pháp lý. Với nhiều hình thức tuyên truyền phong phú như trên, các địa phương có thể áp dụng nhiều hình thức để triển khai, phổ biến pháp luật về đăng ký khai sinh đến tận cơ sở, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của cuộc sống dân cư.

Về phương pháp tuyên truyền, ngoài việc đổi mới nội dung tuyên truyền phổ biến quy định pháp luật quy định về quyền lợi của người dân trong xã hội theo phương châm thiết thực, hướng về cơ sở thì cần đổi mới cách thức tuyên truyền tạo ra sự chuyển biến trong nhận thức của người dân về việc đăng ký hộ khẩu, hộ tịch từ đó sẽ nâng cao ý thức tự giác của người dân chủ động liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký hộ khẩu, hộ tịch. Nếu thực hiện tốt việc này sẽ giảm áp lực cho cán bộ công chức đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về công tác hộ khẩu, hộ tịch.

Nhận thức được vị trí và vai trò quan trọng của công tác đăng ký khai sinh mà trong thời gian qua từ khi thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh trên địa bàn huyện Hóc Môn đã có nhiều chuyển biến tích cực, các sự kiện đăng ký khai sinh của nhân dân cơ bản được thực hiện kịp thời và đúng quy định của pháp luật; công tác phổ biến giáo dục pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh được chú trọng triển khai đến tận cơ sở. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về hộ tịch, đăng ký khai sinh của nhân dân được nâng lên; đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch cơ sở được quan tâm, củng cố về số lượng và kỹ năng thực hiện nghiệp vụ; các loại sổ sách, biểu mẫu hộ tịch được hỗ trợ và cung cấp kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý Nhà nước.

3.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và quản lý đăng ký khai sinh

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm đăng ký khai sinh nói riêng, đăng ký hộ tịch nói chung là biện pháp số hóa thông tin hộ tịch của cá nhân, trong đó thông tin khai sinh là thông tin hộ tịch gốc. Theo Luật Hộ tịch, Luật Căn cước công dân, đây là thông tin đầu vào của Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Bên cạnh đó, những thông tin hộ tịch khác về kết hôn, ly hôn, thay đổi cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, khai tử... được cập nhật vào hệ thống dữ liệu, được coi là thông tin “động”, có giá trị làm cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư luôn sống. Vì vậy, việc xây dựng Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc - cơ sở trung tâm để kết nối, tiếp nhận, liên thông với toàn bộ cơ sở hộ tịch điện tử từ các địa phương trên cả nước, nhằm lưu giữ tập trung, kết nối, chia sẻ và cung cấp thông tin cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, là yêu cầu cốt lõi, là điều kiện không thể thiếu mà bất cứ phần mềm đăng ký hộ tịch nào cũng phải đáp ứng được.

3.2.4. Kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch

Khi triển khai thi hành Luật Hộ tịch, công tác cán bộ là vấn đề đặc biệt quan trọng, ở chừng mực nào đó được coi là vấn đề mấu chốt ảnh hưởng tới hiệu quả của việc triển khai, thực hiện.

Luật Hộ tịch quy định theo hướng tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho người dân nhưng song song với đó thì nó cũng sẽ tạo ra những áp lực cho các cơ quan, cán bộ thực hiện công tác hộ tịch, đăng ký khai sinh. Do việc tiếp nhận thêm nhiều việc, cũng như những quy định về tạo điều kiện cho người dân được lựa chọn cơ quan đăng ký hộ tịch, đăng ký khai sinh thời hạn giải quyết rút ngắn nên không thể tránh khỏi yêu cầu về tăng cường số lượng công chức Tư pháp - Hộ tịch. Tuy nhiên, theo điều kiện cần phải tinh giản biên chế như hiện nay, việc bổ sung thêm biên chế là rất khó khăn. Trong khi công chức Tư pháp - Hộ tịch ngoài thực hiện công tác tư pháp, có khi còn phải kiêm nhiệm thêm nhiều công việc khác nữa. Điều này dễ dẫn đến tình trạng quá tải trong công việc gây ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng của công việc và cũng sẽ cản trở việc học tập, trau dồi nâng cao kiến thức của các cán bộ.

Bên cạnh đó, những nhiệm vụ mới, với những quy định trình tự, thủ tục thay đổi, với việc ứng dụng công nghệ cũng đòi hỏi trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ. Do đó, cần phải thường xuyên có các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ này. Cần nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch bằng việc tiêu chuẩn hoá cán bộ tương xứng với tính chất công việc, chức năng, nhiệm vụ mà họ đảm nhiệm cũng như yêu cầu, đòi hỏi của xu thế phát triển xã hội.

Từ vấn đề chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, đến bồi dưỡng nghiệp vụ cần phải có sự rà soát kỹ lưỡng và có kế hoạch thực hiện phù hợp. Để chuẩn hóa đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch, Bộ Tư pháp phải thường xuyên phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương rà soát, bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch và kiện toàn đội ngũ này.

3.2.5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký và quản lý đăng ký khai sinh

Cải cách thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mục tiêu cải cách hành chính nhằm bảo đảm tính pháp lý, hiệu quả, minh bạch và công bằng trong khi giải quyết các công việc hành chính. Loại bỏ những thủ tục rườm rà,

chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho dân. Vấn đề cải cách thủ tục hành chính lấy người dân làm trung tâm, hình thành một tư duy mới về công tác hộ tịch; đảm bảo quyền lợi chính đáng của người dân và tháo gỡ những vướng mắc mà trước đó chưa có cơ sở pháp lý để giải quyết. Bảo đảm thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh không chỉ đơn thuần là sự ban hành văn bản pháp luật mà là sự quyết tâm đổi mới thực sự nề nếp quản lý đăng ký khai sinh cho phù hợp với khuôn khổ của một xã hội phát triển bằng cách đơn giản hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết, giảm bớt chi phí và phiền hà cho công dân.

Trong thời gian tới việc cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hộ tịch, đăng ký khai sinh cần tập trung vào các biện pháp sau:

Một là, tăng cường tính chủ động và chịu trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền đăng ký hộ tịch, tạo điều kiện để các chủ thể có thể linh hoạt vận dụng giải quyết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn quản lý hộ tịch theo nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý cấp trên đối với cơ quan cấp dưới.

Hai là, trong quá trình thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh cần tiến hành sơ kết, tổng kết để xây dựng quy trình chuẩn nhằm nâng cao tính phục vụ cho hoạt động đăng ký khai sinh với tính chất là loại hình dịch vụ công, bảo đảm người dân được thuận tiện, nhanh chóng khi thực hiện quyền và nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của mình.

Ba là, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý đăng ký khai sinh và xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin hộ tịch trên toàn quốc. Ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp hỗ trợ rất lớn cho hiệu quả của việc thực hiện pháp luật về đăng ký khai sinh hiện nay, giải phóng thời gian làm việc thủ công cho công chức hộ tịch các cấp để có thời gian quan tâm, nghiên cứu nghiệp vụ hộ tịch, thuận tiện và chính xác trong công tác thống kê, khai thác dữ liệu.

Trong xu hướng hiện đại hoá nền hành chính nhà nước ngày nay, cần tích cực nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu điện tử về hộ tịch với tính chất là kho dữ liệu chuyên ngành để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước

tin học hóa các quy trình phục vụ nhân dân đăng ký khai sinh được thuận tiện, nhanh chóng, chính xác theo kinh nghiệm của các nước có nền pháp luật phát triển.

Có thể nói, gắn với việc thực hiện quyền công dân, giải pháp tăng cường cải cách hành chính kết hợp với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin tiến tới xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về hộ tịch cần được nghiêm túc thực hiện, đảm bảo tính nhân văn vốn có của công tác này, tăng chỉ số tin cậy và mức độ hài lòng của người dân; tạo môi trường thân thiện cho công dân khi đến với cơ quan đăng ký khai sinh không chỉ để đảm bảo các quyền nhân thân của mình mà còn với một thái độ tích cực, giúp Nhà nước quản lý dân cư tốt hơn.

3.2.6. Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong pháp luật quản lý về hộ tịch, đăng ký khai sinh

Hoạt động giám sát, kiểm tra đối với công chức trong thực thi công vụ của cơ quan hành chính nhà nước là một trong những hoạt động quản lý, mang tính quyền lực nhà nước đối với các chủ thể có thẩm quyền. Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ công chức nhằm giúp cơ quan quản lý nắm bắt được công việc của đối tượng quản lý, đảm bảo công vụ được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Việc phát hiện vi phạm của công chức do nhiều chủ thể thực hiện thông qua hoạt động giám sát, thanh tra công vụ trong nội bộ cơ quan hành chính nhà nước và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật theo chức năng. Các cơ quan Tư pháp chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi tình hình thi hành pháp luật ở các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp. Việc kiểm tra, giám sát sự chấp hành pháp luật quản lý về hộ tịch có tác dụng ngăn ngừa, răn đe rất lớn và có hiệu quả. Thông qua hoạt động này giúp cho công chức cơ quan hành chính nhà nước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, bồi dưỡng tình cảm, ý thức về trách nhiệm pháp lý và khả năng tiến hành các hành vi pháp lý đúng đắn, chính xác. Có thể nói, thái độ chấp hành hay không chấp hành pháp luật hoặc mức độ chính xác trong áp dụng pháp luật của công chức cơ quan hành chính nhà nước phụ thuộc rất lớn vào kết quả của sự kiểm tra, giám sát sự chấp hành pháp luật. Mặt khác, cũng

thấy rằng công chức cơ quan hành chính nhà nước thi hành, chấp hành pháp luật một cách tự giác, nghiêm chỉnh một khi họ có thái độ đúng đắn đối với pháp luật.

Hoạt động giám sát cần đi vào thực chất trên cơ sở các chương trình cụ thể hàng quý, hàng tháng với nội dung rõ ràng, tránh sự dàn trải không hiệu quả. Nội dung giám sát cần tập trung vào các vấn đề nổi cộm hiện nay như tình trạng tham nhũng, tiêu cực... Khi giám sát cần chú ý tới các cách thức mở rộng quyền trực tiếp giám sát của Nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước, thường xuyên lắng nghe ý kiến đóng góp của họ để thực thi công vụ đạt chất lượng, hiệu quả.

Cùng với hoạt động giám sát, kiểm tra, cần phải tăng cường công tác xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch trong các cơ quan hành chính nhà nước. Bảo đảm mọi hành vi trái pháp luật đều bị xử lý bất kể người vi phạm có vị trí xã hội, nghề nghiệp, thành phần xuất thân nào. Đặc biệt, những hành vi trái pháp luật do công chức cơ quan hành chính nhà nước gây ra cần phải xử lý kịp thời, nghiêm minh, không thiên vị. Tùy thuộc vào tính chất, mức độ của hành vi trái pháp luật, người vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính, bồi hoàn một phần thiệt hại vật chất, thậm chí phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tiểu kết Chương 3

Với mục tiêu xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đòi hỏi pháp luật về đăng ký khai sinh nói riêng phải được thực hiện nghiêm chỉnh, triệt để và chính xác. Trong bối cảnh hiện nay việc xác định quan điểm và những giải pháp cụ thể nhằm hiện thực hóa các quy định pháp luật về quản lý đăng ký khai sinh nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải được đặt trên nền tảng hệ thống quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về tư duy đổi mới và phát triển trong giai đoạn hiện nay.

Để pháp luật về đăng ký khai sinh được thực hiện có hiệu lực, hiệu quả cần phải tiến hành đồng bộ các giải pháp chung như: Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật phù hợp với Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn thi hành với nội dung và hình thức phù hợp, nâng cao nhận thức, hiểu

biết của nhân dân; đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện pháp luật quản lý về hộ tịch...

KẾT LUẬN

Công tác đăng ký khai sinh và quản lý nhà nước về hộ tịch đã góp phần tích cực trong quản lý nhà nước, phục vụ đắc lực cho các cấp, các ngành hữu quan trong hoạch định và xây dựng các chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp, sát với tình hình thực tế như các chính sách về dân số, phân bố dân cư, chia tách, sáp nhập địa giới hành chính... Ngoài ra, bảo đảm chính xác thông tin đăng ký khai sinh còn giúp cho việc xác định độ tuổi như: tuổi tham gia nghĩa vụ quân sự, tuổi chịu trách nhiệm hình sự, tuổi vào các cấp học, tuổi công tác ..., nhóm tuổi, số con trong gia đình, khoảng cách giữa các lần sinh, từ đó giúp cho việc thống kê số nhân khẩu, phổ cập giáo dục; số liệu về đăng ký khai sinh còn phục vụ cho an sinh xã hội như việc cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí cho trẻ em dưới 6 tuổi; ngoài ra, số liệu đăng ký khai sinh cũng là cơ sở để các cấp chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch đầu tư kết cấu hạ tầng như xây dựng trường học, công trình phúc lợi...

Việc đăng ký khai sinh sẽ tạo cơ sở pháp lý bảo đảm một số quyền nhân thân cơ bản của cá nhân như: quyền đối với họ tên, quyền thay đổi họ tên, quyền xác định dân tộc, quyền được khai sinh, quyền kết hôn... đã được ghi nhận trong Bộ Luật Dân sự. Thông qua việc đăng ký khai sinh đã bảo đảm quyền được khai sinh, một trong những quyền quan trọng đầu tiên của trẻ em theo tuyên bố tại Công ước của Liên Hợp quốc về quyền trẻ em: *"Trẻ em phải được đăng ký ngay lập tức sau khi sinh ra và có quyền ngay từ khi ra đời, có họ tên, có quốc tịch và trong chừng mực có thể, quyền được biết cha mẹ mình là ai và được chính cha mẹ mình chăm sóc"*; tại Luật Trẻ em của Việt Nam cũng khẳng định: *"Trẻ em có quyền được khai sinh, khai tử, có họ, tên, có quốc tịch; được xác định cha, mẹ, dân tộc, giới tính theo quy định của pháp luật"* [2]. Tuy nhiên, quyền được khai sinh không phải là quyền riêng có của trẻ em mà là quyền của bất cứ cá nhân nào; theo quy định của Bộ Luật Dân sự thì việc bảo đảm quyền đăng ký hộ tịch cũng đồng nghĩa với việc bảo đảm quyền nhân thân cơ bản của mỗi cá nhân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kim Anh (2012) *Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
2. Bộ Tư pháp (2012) *Báo cáo Tổng kết công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hộ tịch*, ban hành ngày 12/6/2012, Hà Nội.
3. Bộ Tư pháp (2016) *Tài liệu Bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho công chức làm công tác hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp huyện*, ban hành ngày/.../2015, Hà Nội.
4. Bộ Tư pháp (2015) *Thông tư số 15/2015/TT-BTP quy định chi tiết một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch*, ban hành ngày 16/11/2015, Hà Nội.
5. Bộ Tư pháp, Công an và Y tế (2015) *Thông tư liên tịch số 05/2015/TTLT-BTP-BCA-BYT của Bộ Tư pháp - Bộ Y tế - Bộ Công an về hướng dẫn thực hiện liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi*, ban hành ngày 15/5/2015, Hà Nội.
6. Bộ Y tế (2017) *Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật bảo hiểm xã hội và Luật an toàn vệ sinh lao động thuộc lĩnh vực y tế*, ban hành ngày 29/12/2017, Hà Nội.
7. Huỳnh Thị Hồng Châu (2016) *Quản lý nhà nước về hộ tịch cấp xã trong lĩnh vực hôn nhân từ thực tiễn huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
8. Chính phủ (2015) *Nghị định số 123/2015/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch*, ban hành ngày 15/11/2015, Hà Nội.
9. Nguyễn Phương Dung - Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp “Một số khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành Luật Hộ tịch ở các địa phương”, <<http://tcdcpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/dien-dan-cong-tac-tu-phap.aspx?ItemID=209>>, (05/7/2018).

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Hạnh (2016) *Pháp luật quản lý về hộ tịch - từ thực tiễn quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính Quốc gia.
12. Nguyễn Hoài Nam (2011) *Quản lý nhà nước về hộ tịch tại Thành phố Hà Nội*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
13. Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn (2017) *Báo cáo thống kê kết quả đăng ký hộ tịch trên địa bàn huyện Hóc Môn năm 2016*, ban hành ngày 12/01/2017, Hóc Môn.
14. Phòng Tư pháp huyện Hóc Môn (2018) *Báo cáo thống kê kết quả đăng ký hộ tịch trên địa bàn huyện năm Hóc Môn 2017*, ban hành ngày 15/01/2018, Hóc Môn.
15. Quốc hội (2015) *Bộ Luật Dân sự*, ban hành ngày 24/11/2015, Hà Nội
16. Quốc hội (2014) *Luật Hộ tịch*, ban hành ngày 20/11/2014, Hà Nội.
17. Quốc hội (2014) *Luật Hôn nhân và gia đình*, ban hành ngày 19/6/2014, Hà Nội.
18. Quốc hội (2016) *Luật Trẻ em*, ban hành ngày 05/4/2016, Hà Nội
19. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2017) *Báo cáo thống kê kết quả đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2016*, ban hành ngày 15/02/2017, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (2018) *Báo cáo thống kê kết quả đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2017*, ban hành ngày 16/02/2018, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Nguyễn Hoàng Thiện (2015) *Quản lý nhà nước về hộ tịch từ thực tiễn tỉnh An Giang*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
22. Phạm Thị Diễm Trang (2014) *Quản lý nhà nước về nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

23. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn (2016) *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp huyện Hóc Môn năm 2016*, ban hành ngày 23/12/2016, Hóc Môn.

24. Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn (2017) *Báo cáo tổng kết công tác tư pháp huyện Hóc Môn năm 2017*, ban hành ngày 26/12/2017, Hóc Môn.